BẢN TIN

HOẠT ĐỘNG ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

CỤC BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

TRUNG TÂM THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ TRUNG HÒA CÁC-BON



CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VÀ CÔNG NGHỆ AHA MEDIA

SỐ 04 / 2026

MỤC LỤC

TIN TRONG NƯỚC

- Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới 01
- Việt Nam cụ thể hoá con đường tới Net Zero 03
- Diễn đàn Các-bon Việt Nam 2026: “Từ chính sách đến hành động” 05
- Việt Nam - Singapore: Phê duyệt Thoả thuận thực hiện theo Điều 6 Thỏa thuận Paris 07
- ADB và Việt Nam ký kết tài trợ tăng cường thích ứng biến đổi khí hậu 07
- Thúc đẩy hợp tác trao đổi quốc tế tín chỉ các-bon 08
- Tăng cường nền tảng minh bạch dữ liệu phục vụ quản trị khí hậu 10
- Hội thảo Từ cam kết quốc tế đến thực tiễn địa phương trong bảo vệ khí hậu và đa dạng sinh học 12
- Cập nhật các cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính 14
- Ngày quốc tế bảo vệ tầng ô-dôn 16/9/2026 - Hành động toàn cầu vì một hành tinh mát lành hơn 15
- Năng lượng Hydrogen và tương lai công nghiệp không phát thải 16
- Thích ứng biến đổi khí hậu: Hướng đi tất yếu của ngành cảng biển 18
- Quảng Ngãi phát triển lâm nghiệp gắn với thích ứng biến đổi khí hậu 19
- Đà Nẵng thúc đẩy thị trường tín chỉ các-bon từ rừng 20

TIN QUỐC TẾ

- Đánh giá thực trạng và xu hướng hydrogen toàn cầu 21
- ECNO công bố Báo cáo đánh giá tiến độ hướng tới mục tiêu trung hòa khí hậu lần thứ tư 23
- Tây Âu ghi nhận tháng 6 và 7 nóng nhất lịch sử 25
- Phê duyệt phương pháp luận cho các dự án điện tái tạo theo Cơ chế Điều 6.4 26
- Colombia trở thành quốc gia đầu tiên nộp Báo cáo Minh bạch Hai năm một lần thứ hai 26
- Khánh thành cơ sở thu giữ và lưu trữ các-bon lớn nhất châu Âu tại Hà Lan 27
- Thái Lan thúc đẩy phát triển thị trường điện sạch 28
- Malaysia công bố Kế hoạch hành động quốc gia về hiệu quả năng lượng cho giai đoạn 2026-2035 29
- Úc đầu tư 2,5 tỷ AUD thúc đẩy chuyển đổi năng lượng sạch trong ngành luyện nhôm 30
- California, Mỹ thúc đẩy chuyển đổi sang phương tiện không phát thải 30
- Lũ quét nghiêm trọng tại Nepal làm gia tăng cảnh báo về rủi ro khí hậu 31

CỤC BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Số 10 Tôn Thất Thuyết, Cầu Giấy, Hà Nội

024 37759430 | Email: dcc@mae.gov.vn



CHỦ ĐỘNG ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG THỜI KỲ MỚI

Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ban hành Kết luận số 75-KL/TW ngày 28/7/2026 về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới. Kết luận xác định ứng phó với biến đổi khí hậu là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, được đặt ở vị trí trung tâm trong các quyết định phát triển, tạo nền tảng cho chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế các-bon thấp và phát triển bền vững đất nước.



Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm phát biểu bế mạc Hội nghị lần thứ ba của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV. Ảnh VGP/Nhật Bắc

Theo Kết luận, sau hơn 13 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW, công tác ứng phó với biến đổi khí hậu đã đạt nhiều kết quả quan trọng. Chính sách, pháp luật tiếp tục được hoàn thiện; công tác ứng phó với biến đổi khí hậu từng bước chuyển từ bị động sang chủ động; quản lý, bảo vệ và phát triển rừng tiếp tục được đẩy mạnh; nhiều mô hình chuyển đổi theo hướng xanh, tuần hoàn được triển khai; thị trường các-bon đã hình thành.

Tuy nhiên, biến đổi khí hậu vẫn tiếp tục là thách thức lớn đối với phát triển đất nước. Công tác ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai có lúc, có nơi chưa đáp ứng yêu cầu; việc xử lý ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn còn bị động, thiếu giải pháp căn cơ; kiểm kê và giảm phát thải khí nhà kính chưa được triển khai thống nhất, đồng bộ.

Trên cơ sở đó, Ban Chấp hành Trung ương khẳng định các quan điểm, mục tiêu cơ bản của Nghị quyết số 24-NQ/TW vẫn còn nguyên giá trị, đồng thời bổ sung các định hướng nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp. Theo đó, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu phải được đặt ở vị trí trung tâm trong các quyết định phát triển, là nền tảng cho chuyển đổi xanh, nâng cao chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Kết luận cũng nhấn mạnh yêu cầu chuyển từ tư duy "đối phó thụ động" sang "ứng phó chủ động", từ quản lý hành chính sang quản trị hiện đại dựa trên dữ liệu và theo mức độ rủi ro.

Kết luận đặt mục tiêu đến năm 2030 là nâng cao năng lực quản trị môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai; bảo vệ tốt hơn

tính mạng, sức khỏe, tài sản và sinh kế của người dân; thúc đẩy phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng. Tầm nhìn đến năm 2045 hướng tới xây dựng hệ thống quản trị môi trường hiện đại, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu; phát triển kinh tế xanh, tuần hoàn và các-bon thấp trở thành phương thức phát triển quan trọng, góp phần thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050.

Để hiện thực hoá các mục tiêu trên, Ban Chấp hành Trung ương yêu cầu khẩn trương hoàn thiện pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu và các quy định có liên quan theo hướng đồng bộ, thống nhất; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát, chuyển từ quản lý hành chính sang quản trị hiện đại dựa trên dữ liệu. Đồng thời, hoàn thiện các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp, khuyến khích sản xuất, tiêu dùng xanh, bền vững và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, công nghệ phục vụ ứng phó với biến đổi khí hậu.

Kết luận cũng nhấn mạnh việc huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho ứng phó với biến đổi khí hậu. Theo đó, bố trí tối thiểu 2% tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm cho sự nghiệp bảo vệ môi trường; đồng thời phát huy vai trò dẫn dắt của ngân sách nhà nước, huy động hiệu quả các nguồn lực trong nước và quốc tế phục vụ phát triển kinh tế xanh, phát thải các-bon thấp và thích ứng với biến đổi khí hậu. Cùng với đó là tăng cường đầu tư hạ tầng tích hợp các yêu cầu về chuyển đổi xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và hiện đại hóa hệ thống giám sát, dự báo, cảnh báo về biến đổi khí hậu và các hiện tượng thời tiết cực đoan.

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm được Kết luận đặt ra là chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm thiểu rủi ro thiên tai. Trung ương yêu cầu xây dựng các kịch bản biến đổi khí hậu dài hạn; điều chỉnh chiến lược, kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai phù hợp với điều kiện từng vùng, từng địa phương, ưu tiên các khu vực có nguy cơ rủi ro cao. Đồng thời, chú trọng đầu tư hạ tầng có khả năng chống chịu với bão, lũ, ngập úng, hạn hán và nước biển dâng; phát triển các đô thị chống chịu với biến đổi khí hậu; xây dựng mô hình nông nghiệp thông minh giảm phát thải, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Bên cạnh đó, Kết luận xác định đẩy mạnh chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp là giải pháp trọng tâm để thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050. Theo đó, ưu tiên phát triển năng lượng tái tạo, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; chuyển đổi hệ thống sản xuất lương thực, thực phẩm theo hướng giảm phát thải; phát triển công nghiệp xanh, đô thị xanh, công trình xanh và giao thông xanh; kiểm soát chặt chẽ phát thải khí nhà kính và hoàn thiện hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm phát thải theo tiêu chuẩn quốc tế. Đồng thời, đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về biến đổi khí hậu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và viễn thám trong công tác dự báo, cảnh báo và quản lý, đồng thời tăng cường hợp tác quốc tế, tiếp cận công nghệ xanh và nâng cao năng lực ứng phó với các tiêu chuẩn, quy định quốc tế về môi trường và khí hậu.

CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2026-2030

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu
1.	Tỉ lệ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trong tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm	Tối thiểu 2%
2.	Tỉ lệ các nguồn nước thải, khí thải lớn được quan trắc tự động, liên tục	100%
3.	Tỉ lệ số ngày trong năm có chỉ số chất lượng môi trường không khí (AQI) ở mức tốt và trung bình ở các đô thị đặc biệt	80%
4.	Tỉ lệ cụm công nghiệp có nước thải được xử lý đạt quy chuẩn môi trường	100%
5.	Tỉ lệ nước thải sinh hoạt đô thị tại các đô thị đặc biệt và đô thị loại I được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn môi trường	70%
6.	Tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý	95%
7.	Tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở khu vực nông thôn được thu gom, xử lý	85%
8.	Tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp so với lượng chất thải được thu gom	< 30%
9.	Tỉ lệ che phủ rừng	42%
10.	Tỉ lệ diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển so với diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia	6%
11.	Tỉ lệ số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn	70%
12.	Tỉ lệ các hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất được di dời đến nơi an toàn	80%
13.	Tỉ trọng kinh tế xanh trên GDP	10%
14.	Tỉ lệ khu công nghiệp sinh thải trên cả nước	10%
15.	Tỉ trọng năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp	26,1%
16.	Giảm tiêu hao năng lượng tính trên GDP/năm	1 -1,5%
17.	Số công trình xây dựng xanh được chứng nhận trên cả nước	1.200
18.	Giảm phát thải khí nhà kính của quốc gia so với kịch bản phát triển thông thường	9%

Phụ lục kèm theo về các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2026-2030

Nguồn: Cục Biến đổi khí hậu (Tổng hợp)

VIỆT NAM CỤ THỂ HOÁ CON ĐƯỜNG TỚI NET ZERO

Ngày 8 tháng 7 năm 2026, diễn đàn "Năng lượng và Môi trường Thế giới - Việt Nam 2026" đã diễn ra với chủ đề "Việt Nam cụ thể hóa con đường tới Net Zero" do Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) thông qua Hội đồng Doanh nghiệp vì sự Phát triển bền vững Việt Nam (VBCSD) phối hợp với các đối tác tổ chức.



Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Văn Thắng phát biểu chỉ đạo tại diễn đàn.
Ảnh: Báo điện tử Chính phủ

Tham dự và phát biểu chỉ đạo tại diễn đàn, Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Văn Thắng, Chủ tịch Hội đồng Quốc gia về Phát triển bền vững, nhấn mạnh yêu cầu chuyển các cam kết thành hành động thiết thực, chuyển chiến lược thành các dự án cụ thể, huy động sức mạnh của toàn xã hội, đặc biệt là vai trò tiên phong của cộng đồng doanh nghiệp.

Theo Phó Thủ tướng, diễn đàn diễn ra trong bối cảnh Việt Nam bước vào kỷ nguyên phát triển mới, khi yêu cầu bảo đảm an ninh năng lượng, chuyển đổi xanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia ngày càng cấp thiết. Chủ đề của diễn đàn không chỉ gắn với lĩnh vực năng lượng, môi trường mà còn liên quan trực tiếp đến lựa chọn chiến lược phát triển của đất nước, hướng tới tăng trưởng nhanh hơn nhưng xanh hơn, hội nhập sâu hơn nhưng bền vững hơn, thu hút đầu tư gắn với chất lượng cao hơn, đồng thời thực hiện đầy đủ trách nhiệm với cộng đồng quốc tế.

Phó Thủ tướng khẳng định Đảng và Nhà nước Việt Nam kiên định mục tiêu phát triển nhanh gắn với phát triển bền vững; tăng trưởng kinh tế đi đôi với công bằng, tiến bộ xã hội, bảo vệ môi trường và đổi mới sáng tạo. Trong đó, chuyển dịch năng lượng được xác định là trọng tâm của lộ trình thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng "0".



Ảnh minh hoạ được biên tập bằng AI

Để cụ thể hóa lộ trình này, Phó Thủ tướng nhấn mạnh một số định hướng trọng tâm. Trước hết, thực hiện chuyển dịch năng lượng theo lộ trình phù hợp, bảo đảm hiệu quả và bền vững. Chính phủ sẽ tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách để phát triển hệ thống năng lượng đồng bộ, đa dạng hóa nguồn cung, thúc đẩy năng lượng tái tạo và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.

Tập trung đầu tư hạ tầng truyền tải, lưu trữ, điều độ điện và phát triển thị trường điện cạnh tranh, khuyến khích khu vực tư nhân tham gia mạnh mẽ. Quá trình này, không loại bỏ đột ngột các nguồn năng lượng truyền thống mà phải sử dụng hiệu quả hơn, áp dụng công nghệ mới để kiểm soát chặt chẽ phát thải và từng bước giảm dần tỷ trọng theo lộ trình.

Quá trình chuyển dịch phải đảm bảo đồng thời ba yêu cầu: đủ năng lượng cho tăng trưởng, giảm phát thải theo cam kết và bảo đảm chuyển đổi công bằng cho người lao động, doanh nghiệp và địa phương.

Thứ hai, kiên định nguyên tắc không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng. Việt Nam sẽ tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo vệ môi trường, xử lý hiệu quả các nguồn ô nhiễm, phục hồi hệ sinh thái tự nhiên, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn và chuyển đổi xanh trong sản xuất, tiêu dùng, hướng tới hình thành nền kinh tế phát thải thấp. Giảm phát thải khí nhà kính cần gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và nâng cao tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG) của hàng hóa Việt Nam trong chuỗi cung ứng toàn cầu.



Phó Thủ tướng Nguyễn Văn Thắng và các đại biểu tham quan các gian hàng được trưng bày trong khuôn khổ Diễn đàn. Ảnh: Tạp chí Công thương

Thứ ba, xây dựng tài chính xanh và thị trường các-bon trở thành trụ cột cốt lõi. Chính phủ xác định tài chính xanh là động lực quan trọng để huy động nguồn lực quốc tế và quốc gia. Việt Nam sẽ tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, lồng ghép tiêu chí môi trường vào quản lý ngân sách, phát triển thị trường vốn xanh bao gồm trái phiếu xanh, tín dụng xanh và áp dụng các chính sách thuế ưu đãi cho dự án xanh.

Đồng thời, sẽ tăng cường hợp tác huy động nguồn vốn ưu đãi và công nghệ tiên tiến từ các định chế tài chính quốc tế. Bên cạnh đó, Chính phủ sẽ tiếp tục vận hành và hoàn thiện sàn giao dịch các-bon trong nước nhằm tạo cơ chế định giá các-bon minh bạch, hiệu quả.

Thứ tư, phát huy vai trò then chốt của cộng đồng doanh nghiệp và các địa phương. Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế chính là động lực quyết định sự thành bại của hành trình Net Zero. Các doanh nghiệp cần tiên phong xây dựng lộ trình giảm phát thải, tích hợp tiêu chí ESG vào chiến lược dài hạn và đầu tư vào công nghệ sạch.



Toàn cảnh Diễn đàn. Ảnh: Tạp chí Công thương

Đối với các địa phương, Phó Thủ tướng đề nghị chủ động rà soát, cập nhật quy hoạch, chuẩn bị danh mục các dự án xanh, cải thiện môi trường đầu tư, cắt giảm thủ tục hành chính và tháo gỡ các vướng mắc, tạo điều kiện cho các dự án năng lượng sạch, kinh tế tuần hoàn và giảm phát thải.

Để chuyển từ cam kết sang hành động, Phó Thủ tướng yêu cầu các Bộ, cơ quan tập trung triển khai những nhiệm vụ trọng tâm. Trong đó, Bộ Nông nghiệp và Môi trường tập trung hoàn thiện hệ thống kiểm kê khí nhà kính quốc gia, nâng cao hiệu quả quản lý phát thải, thúc đẩy phát triển thị trường các-bon, bảo vệ hệ sinh thái và nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu.

Đối với cộng đồng doanh nghiệp, Phó Thủ tướng đề nghị xác định chuyển đổi xanh và quản trị ESG là chiến lược quan trọng để nâng cao năng lực cạnh tranh; chủ động rà soát công nghệ, thực hiện kiểm kê phát thải, minh bạch hóa dữ liệu môi trường và tham gia thị trường các-bon. VCCI được đề nghị tiếp tục phát huy vai trò cầu nối giữa Chính phủ và doanh nghiệp, kịp thời tổng hợp, phản ánh khó khăn, vướng mắc, đồng thời phối hợp xây dựng các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi xanh theo ngành và chuỗi cung ứng, trong đó chú trọng doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Phó Thủ tướng đồng thời đề nghị các tổ chức quốc tế, các quốc gia phát triển tăng cường các chương trình hỗ trợ Việt Nam và cộng đồng doanh nghiệp về nguồn lực, công nghệ và hợp tác để thực hiện mục tiêu giảm phát thải theo lộ trình.

Nguồn: Cục Biến đổi khí hậu (Tổng hợp)

DIỄN ĐÀN CÁC-BON VIỆT NAM 2026: "TỪ CHÍNH SÁCH ĐẾN HÀNH ĐỘNG"

Ngày 14 tháng 8 năm 2026, diễn đàn Các-bon Việt Nam 2026: "Từ chính sách đến hành động" đã diễn ra tại Thành phố Hồ Chí Minh dưới sự chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, với sự phối hợp tổ chức của Cục Biến đổi khí hậu Báo Nông nghiệp và Môi trường, Viện Tư vấn và Phát triển (CODE), Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) cùng sự hỗ trợ của Cục Kinh tế Liên bang Thụy Sĩ (SECO).



Thứ trưởng Lê Công Thành phát biểu tại diễn đàn. Ảnh: H.D/Tạp chí Công thương

Diễn đàn được tổ chức trong giai đoạn có ý nghĩa quan trọng đối với lộ trình phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam, khi khung chính sách đang tiếp tục được hoàn thiện và sàn giao dịch các-bon trong nước đã chính thức vận hành thí điểm.

Phát biểu tại diễn đàn, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, ông Lê Công Thành nhấn mạnh, việc phát triển thị trường các-bon đang đặt ra những yêu cầu mới đối với công tác hoàn thiện thể chế, nâng cao năng lực thực thi và tăng cường sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp.

Thứ trưởng cho biết, thời gian qua, Chính phủ và các bộ, ngành đã xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu. Đến nay, khung pháp lý về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và phát triển thị trường các-bon cơ bản đã được hình thành và đang tiếp tục được hoàn thiện.

Khung pháp lý này tạo cơ sở để Việt Nam triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế về tín chỉ các-bon, góp phần thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC), huy động thêm nguồn lực cho giảm phát thải, chuyển đổi xanh và từng bước hình thành nền tảng phát triển thị trường các-bon trong nước gắn với hợp tác, hội nhập quốc tế.

Một dấu mốc quan trọng trong quá trình này là ngày 29/6/2026, sàn giao dịch các-bon trong nước chính thức đi vào vận hành thí điểm, tạo nền tảng cho việc trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon. Đây là bước đi quan trọng để hình thành tín hiệu về một công cụ kinh tế đối với mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính, hỗ trợ doanh nghiệp lựa chọn các giải pháp giảm phát thải với chi phí phù hợp và từng bước thích ứng với các yêu cầu xanh ngày càng cao của thị trường quốc tế.

"Đây cũng là lý do để chúng ta cần đưa thị trường các-bon và chính sách vào thực tiễn một cách minh bạch, hiệu quả và có trách nhiệm", Thứ trưởng nhấn mạnh.

Theo Thứ trưởng, thị trường các-bon là lĩnh vực còn mới đối với Việt Nam. Trong quá trình vận hành thí điểm, các cơ quan quản lý sẽ tiếp tục hoàn thiện chính sách, hạ tầng kỹ thuật, hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định và quản trị dữ liệu; đồng thời tăng cường tham vấn, lắng nghe khó khăn, vướng mắc và nhu cầu thực tế của doanh nghiệp.

Thứ trưởng cũng nhấn mạnh vai trò trung tâm của doanh nghiệp trong quá trình chuyển đổi. "Doanh nghiệp cần chuyển từ tâm thế thực hiện nghĩa vụ giảm phát thải sang chủ động tạo ra giá trị từ giảm phát thải. Đó là sự thay đổi rất quan trọng về mặt tư duy"

Từ những yêu cầu đặt ra trong quá trình hoàn thiện và vận hành thị trường các-bon, các nội dung được trao đổi tại Diễn đàn tập trung vào những vấn

đề thiết thực đối với các chủ thể tham gia thị trường. Ba tham luận về chính sách tập trung vào những nội dung quan trọng đối với quá trình vận hành thị trường, gồm: khung pháp lý và lộ trình vận hành thị trường các-bon trong nước; quy trình vận hành sàn giao dịch các-bon trong nước, cơ chế giao dịch, quy định về thành viên thị trường, lưu ký, thanh toán và công bố thông tin; Nghị định số 112/2026/NĐ-CP về trao đổi quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon của Việt Nam.

Bên cạnh các tham luận, Diễn đàn tổ chức ba phiên thảo luận chuyên sâu về vận hành thông suốt thị trường các-bon Việt Nam; trao đổi kết quả giảm phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon theo Điều 6.2 và các khuôn khổ hợp tác song phương; Cơ chế Điều 6.4: chất lượng tín chỉ và tính toàn vẹn môi trường.

Một điểm nhấn đáng chú ý của Diễn đàn là hoạt động "Business Matching - Kết nối doanh nghiệp", tạo điều kiện để các doanh nghiệp có tín chỉ các-bon gặp gỡ những đơn vị có nhu cầu mua, bù trừ phát thải; đồng thời kết nối các dự án giảm phát thải với nguồn vốn xanh, công nghệ và đối tác phù hợp. Qua đó, Diễn đàn hướng tới đưa các cuộc trao đổi từ phạm vi thông tin, đối thoại sang những cơ hội hợp tác và dự án cụ thể.

Thông qua các phiên tham luận, tọa đàm và hoạt động kết nối, diễn đàn hướng tới việc làm rõ những cơ hội, khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai chính sách; đồng thời thúc đẩy kết nối về tín chỉ các-bon, tài chính xanh, công nghệ, dữ liệu và các dự án giảm phát thải.



Quang cảnh tại diễn đàn.
Ảnh: H.D/Tạp chí Công thương

Mục tiêu không chỉ dừng lại ở việc giúp doanh nghiệp hiểu chính sách và thực hiện các yêu cầu của thị trường, mà quan trọng hơn là thúc đẩy doanh nghiệp chủ động xây dựng năng lực giảm phát thải, đầu tư đổi mới công nghệ, tiếp cận nguồn lực tài chính xanh và khai thác những cơ hội mới từ thị trường các-bon.



Phiên tham luận về vận hành thông suốt thị trường các-bon.
Ảnh: H.D/Tạp chí Công thương

Nguồn: Cục Biến đổi khí hậu (Tổng hợp)

VIỆT NAM - SINGAPORE: PHÊ DUYỆT THOẢ THUẬN THỰC HIỆN THEO ĐIỀU 6 THỎA THUẬN PARIS

Chính phủ Việt Nam đã ban hành Nghị quyết số 235/NQ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2026 phê duyệt Thỏa thuận thực hiện theo Điều 6 Thỏa thuận Paris giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Singapore.

Thỏa thuận thiết lập khuôn khổ pháp lý song phương ràng buộc, tạo điều kiện cho các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam phát triển các dự án giảm phát thải khí nhà kính, tạo tín chỉ các-bon phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế, được công nhận và chuyển giao cho Singapore. Thông tin chi tiết về quy trình chấp thuận các dự án tín chỉ các-bon và danh mục phương pháp luận đủ điều kiện sẽ được công bố trong thời gian tới.

Hợp tác này gắn liền với cơ chế thị trường các-bon theo Điều 6 của Thỏa thuận Paris. Trong đó, theo Điều 6.2 Thỏa thuận Paris cho phép các quốc gia trao đổi song phương tín chỉ các-bon, kết quả giảm phát thải khí nhà kính để sử dụng cho mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính theo NDC.

Điều 6.4 Thỏa thuận Paris cho phép các tổ chức tại các quốc gia thành viên Thỏa thuận Paris đăng ký chương trình, dự án theo các phương pháp do Công ước khung của Liên hợp quốc (UNFCCC) công nhận và cấp tín chỉ các-bon cho các chương trình, dự án sau khi được thẩm định.



Ảnh minh hoạ được biên tập bằng AI

Nguồn: Cục Biến đổi khí hậu (Tổng hợp)

ADB VÀ VIỆT NAM KÝ KẾT TÀI TRỢ TĂNG CƯỜNG THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Ngày 3 tháng 9 năm 2026, Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) và Chính phủ Việt Nam đã ký kết gói tài trợ trị giá 42,76 triệu USD nhằm hiện đại hóa hệ thống thủy lợi và tăng cường khả năng thích ứng của người dân trước tác động của biến đổi khí hậu và áp lực ngày càng gia tăng đối với tài nguyên nước tại các tỉnh Đồng Nai, Gia Lai và Quảng Ngãi.

Gói tài trợ trị giá 42,76 triệu USD bao gồm: 40,66 triệu USD từ quỹ nguồn vốn thông thường của ADB và hai khoản viện trợ không hoàn lại từ Chính phủ Nhật Bản do ADB quản lý: 1,5 triệu USD từ Quỹ Nhật Bản vì châu Á và Thái Bình Dương thịnh vượng và thích ứng và 600.000 USD từ Quỹ Công nghệ cao.

Dự án hướng tới việc tăng cường năng lực quản lý thủy lợi, phát triển cơ sở hạ tầng tưới và tiêu hiện đại, đồng thời thúc đẩy các phương thức quản lý nước hiệu quả tại cấp hộ gia đình. Các giải pháp này được kỳ vọng giúp nông dân ứng phó tốt hơn với hạn hán, sự thay đổi của chế độ mưa và cạnh tranh ngày càng lớn đối với nguồn nước, đồng thời nâng cao năng suất sử dụng nước trong nông nghiệp.

Theo thông tin dự án của ADB, hoạt động hiện đại hóa thủy lợi cũng gắn với chuyển đổi cơ cấu cây trồng và phát triển các loại cây có giá trị cao, trong đó có cà phê, hồ tiêu, cây ăn quả và rau màu. Qua đó, dự án không chỉ góp phần nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu mà còn hỗ trợ cải thiện sinh kế và thu nhập của người dân tại các khu vực hưởng lợi. Dự án dự kiến sẽ trực tiếp mang lại lợi ích cho khoảng 295.500 người thuộc 77.327 hộ gia đình, trong đó có 30.647 hộ đồng bào dân tộc thiểu số và 4.856 hộ nghèo.



Công trình đại thủy nông Ayun Hạ, tỉnh Gia Lai, góp phần bảo đảm nguồn nước cho sản xuất và đời sống.

Nguồn: Cục Biến đổi khí hậu (Tổng hợp)

THÚC ĐẨY HỢP TÁC TRAO ĐỔI QUỐC TẾ TÍN CHỈ CÁC-BON

Ngày 23 tháng 7 năm 2026, Cục Biến đổi khí hậu đã phối hợp với Chương trình Đối tác chuyển dịch năng lượng Đông Nam Á (ETP), Văn phòng dịch vụ dự án Liên hợp quốc (UNOPS) và Hội Khoa học Kinh tế Việt Nam tổ chức tọa đàm "Thúc đẩy hợp tác trao đổi quốc tế tín chỉ các-bon hướng tới thực hiện cam kết giảm phát thải của quốc gia và doanh nghiệp".



Phó Cục trưởng điều hành Nguyễn Tuấn Quang phát biểu tại sự kiện.
Ảnh: Khánh Ly/Báo Nông nghiệp và Môi trường

Phát biểu tại sự kiện, ông Nguyễn Tuấn Quang, Phó Cục trưởng điều hành Cục Biến đổi khí hậu cho biết, Việt Nam xác định mục tiêu chính của thị trường các-bon là một trong những công cụ hỗ trợ giảm phát thải khí nhà kính và thực hiện các mục tiêu theo Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC), đồng thời góp phần hiện thực hóa mục tiêu phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050. Thị trường các-bon cũng giúp giảm phát thải với chi phí hiệu quả nhất, tạo động lực phát triển nền kinh tế các-bon thấp có khả năng thích ứng tốt hơn với biến đổi khí hậu.

Tại Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Việt Nam đã quy định về tổ chức và phát triển thị trường các-bon trong nước, đồng thời tham gia thị trường các-bon quốc tế. Trong đó, các hoạt động trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon được thực hiện thông qua các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước và quốc tế, phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Một bước tiến quan trọng trong việc hoàn thiện hành lang pháp lý là việc Chính phủ ban hành Nghị định số 112/2026/NĐ-CP ngày 1/4/2026 về chuyển giao quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon, có hiệu lực từ ngày 19/5/2026. Đây là khung pháp lý chuyên biệt đầu tiên của Việt Nam cho hoạt động chuyển giao quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon, được xây dựng trên nền tảng Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 06/2022/NĐ-CP và Nghị định số 119/2025/NĐ-CP.

Nghị định số 112/2026/NĐ-CP đánh dấu bước chuyển quan trọng từ việc thiết lập và vận hành thị trường các-bon trong nước sang chủ động kết nối với thị trường các-bon quốc tế. Qua đó, Việt Nam có thêm cơ sở pháp lý để tham gia các cơ chế hợp tác theo Điều 6 của Thỏa thuận Paris, cho phép các quốc gia hợp tác và trao đổi kết quả giảm phát thải nhằm thực hiện các mục tiêu khí hậu theo hướng minh bạch, hiệu quả và tiết kiệm chi phí.

Việc triển khai khung pháp lý này cũng mở ra cơ sở để các tổ chức, doanh nghiệp và địa phương tham gia thị trường các-bon quốc tế, huy động nguồn lực tài chính và công nghệ cho chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế các-bon thấp, đồng thời nâng cao vị thế của Việt Nam trong hợp tác khí hậu quốc tế.

Trong bối cảnh nhu cầu trao đổi tín chỉ các-bon và kết quả giảm phát thải trên thế giới được dự báo tiếp tục tăng mạnh trong những thập kỷ tới, thị trường các-bon quốc tế được kỳ vọng sẽ trở thành một kênh quan trọng huy động nguồn lực cho các hoạt động

giảm phát thải. Đây cũng là cơ hội để các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam, tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị xanh toàn cầu.

Việt Nam có tiềm năng giảm phát thải lớn trên nhiều lĩnh vực như năng lượng, công nghiệp, giao thông vận tải, nông nghiệp, xử lý chất thải và hệ thống làm mát. Tuy nhiên, để tiềm năng này được chuyển hóa thành các giao dịch thực chất trên thị trường quốc tế, các dự án và kết quả giảm phát thải của Việt Nam cần đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao về chất lượng, tính minh bạch và khả năng kiểm chứng.



Các đại biểu tham dự sự kiện.
Ảnh: Khánh Ly/ Báo Nông nghiệp và Môi trường

Theo các chuyên gia, thị trường các-bon quốc tế đặc biệt quan tâm đến tính toàn vẹn môi trường của tín chỉ, hệ thống đo đạc, báo cáo và thẩm định (MRV) đáng tin cậy, khả năng kiểm soát nguy cơ tính trùng lặp, cũng như sự rõ ràng về quyền sở hữu và chuyển giao kết quả giảm phát thải. Đây là những yếu tố có ý nghĩa quyết định đối với khả năng tiếp cận các bên mua, nhà tài trợ và các cơ chế hợp tác quốc tế.

Trong bối cảnh đó, việc trao đổi thông tin, cập nhật quy định và chia sẻ kinh nghiệm quốc tế là cần thiết để các cơ quan quản lý và doanh nghiệp Việt Nam hiểu rõ hơn về yêu cầu của thị trường, từ đó chủ động chuẩn bị cho quá trình tham gia.



Toạ đàm phiên 1.
Ảnh: Khánh Ly Báo Nông nghiệp và Môi trường



Ông Nguyễn Thành Công, Phó Phòng Thị trường các-bon, Cục Biến đổi khí hậu cập nhật quy định về trao đổi quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải. Ảnh: Việt Dũng/Cục Biến đổi khí hậu

Tại tọa đàm, sau phần khai mạc của lãnh đạo Cục Biến đổi khí hậu và đại diện các đơn vị phối hợp tổ chức, các đại biểu đã tham gia hai phiên thảo luận tập trung vào cơ hội kết nối với thị trường quốc tế và mức độ sẵn sàng của doanh nghiệp Việt Nam.

Tại phiên 1 với chủ đề "Cơ hội kết nối với thị trường quốc tế", các chuyên gia đã chia sẻ thông tin về các quy định quốc tế, xu hướng phát triển của thị trường các-bon, kỳ vọng của nhà tài trợ và bên mua, yêu cầu về chất lượng với ITMO của Việt Nam và các yếu tố cần lưu ý khi tham gia thị trường các-bon quốc tế.

Tại phiên 2 với chủ đề "Sự sẵn sàng của doanh nghiệp Việt Nam", đại diện Cục Biến đổi khí hậu cùng các chuyên gia và doanh nghiệp đã trao đổi cơ hội, rào cản và mức độ sẵn sàng tham gia thị trường của doanh nghiệp, đồng thời chia sẻ góc nhìn của cơ quan quản lý và các chuyên gia về những bước chuẩn bị ưu tiên.

Các ý kiến tại phiên thảo luận cũng góp phần làm rõ góc nhìn của cơ quan quản lý, chuyên gia và doanh nghiệp về những thuận lợi, khó khăn trong quá trình tham gia thị trường, qua đó xác định các bước chuẩn bị cần được ưu tiên trong thời gian tới.

Thông qua tọa đàm, các bên liên quan có thêm cơ hội trao đổi về chính sách, chia sẻ kinh nghiệm quốc tế và kết nối giữa cơ quan quản lý, chuyên gia, doanh nghiệp với các đối tác trên thị trường các-bon. Đây được kỳ vọng là cơ sở để thúc đẩy hợp tác quốc tế, nâng cao chất lượng kết quả giảm phát thải và tín chỉ các-bon của Việt Nam, từng bước đưa các sản phẩm này tham gia vào chuỗi giao dịch các-bon toàn cầu, qua đó góp phần thực hiện các mục tiêu giảm phát thải của quốc gia và doanh nghiệp.

Nguồn: Cục Biến đổi khí hậu (Tổng hợp)

TĂNG CƯỜNG NỀN TẢNG MINH BẠCH DỮ LIỆU PHỤC VỤ QUẢN TRỊ KHÍ HẬU

Ngày 4 tháng 8 năm 2026, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã tổ chức cuộc họp Ban chỉ đạo Dự án "Nâng cao năng lực quản lý dữ liệu và thông tin báo cáo phù hợp với yêu cầu khung minh bạch tăng cường của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu" (CBIT).



Phó Cục trưởng điều hành Nguyễn Tuấn Quang phát biểu tại cuộc họp.
Ảnh: Trung Nguyên/Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Dự án CBIT do Quỹ môi trường toàn cầu (GEF) tài trợ thông qua Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) với tổng kinh phí gần 2 triệu USD, được triển khai từ tháng 4 năm 2022 và dự kiến hoàn thành vào cuối tháng 10 năm 2026.

Phát biểu tại cuộc họp, Phó Cục trưởng điều hành Cục Biến đổi khí hậu, Giám đốc quốc gia của Dự án CBIT, ông Nguyễn Tuấn Quang cho biết, sau 4 năm triển khai, dự án đã hoàn thành nhiều sản phẩm quan trọng như nghiên cứu, đề xuất bổ sung các chỉ tiêu thống kê phục vụ kiểm kê khí nhà kính vào Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; hướng dẫn kỹ thuật chi tiết về kiểm kê khí nhà kính và hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định (MRV) giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đối với công trình xây dựng; bộ tài liệu đào tạo, chương trình đào tạo và hướng dẫn kỹ thuật phục vụ nâng cao năng lực kiểm kê khí nhà kính và thẩm định kết quả giảm phát thải.

Bên cạnh đó, dự án đã xây dựng dự thảo các công cụ và biểu mẫu báo cáo phục vụ kiểm kê khí nhà kính đối với các nguồn phát thải lớn, đồng thời phát triển công cụ theo dõi tiến độ thực hiện mục tiêu Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) của các bộ liên quan.

Dự án cũng đã hoàn thiện tài liệu hướng dẫn lồng ghép giới trong theo dõi, báo cáo và giám sát phát thải khí nhà kính nhằm thúc đẩy yếu tố giới trong MRV giảm phát thải khí nhà kính; hướng dẫn và bộ biểu mẫu chuẩn theo dõi nguồn lực tài chính khí hậu, thí điểm trong lĩnh vực nông nghiệp và sổ tay hướng dẫn theo dõi đầu tư công cho biến đổi khí hậu có lồng ghép giới.

Các bộ công cụ kiểm kê, MRV, theo dõi đầu tư công cho biến đổi khí hậu là những kết quả nổi bật của dự án, góp phần hỗ trợ các bộ, ngành và cơ quan liên quan nâng cao năng lực quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu. Trong thời gian còn lại của dự án, nhiều sản phẩm quan trọng khác cũng sẽ tiếp tục được hoàn thiện nhằm tăng cường năng lực thực hiện kiểm kê khí nhà kính và số hóa việc theo dõi việc thực hiện NDC.



Phó Trưởng đại diện UNDP tại Việt Nam bà Francesca Nardini phát biểu tại cuộc họp.
Ảnh: Trung Nguyên/Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Phát huy những kết quả đã đạt được, dự án đang hướng tới việc chuẩn bị triển khai giai đoạn tiếp theo với trọng tâm là đáp ứng các yêu cầu mới trong công tác quản lý nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu. Theo Phó Cục trưởng điều hành Nguyễn Tuấn Quang, việc xây dựng giai đoạn 2 của dự án sẽ bám sát nhu cầu quản lý nhà nước về kiểm kê khí nhà kính và theo dõi, giám sát việc thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) của Việt Nam.

Ghi nhận những kết quả mà dự án đã đạt được, Phó Trưởng đại diện UNDP tại Việt Nam, bà Francesca Nardini cho rằng, các kết quả đầu ra của dự án không chỉ bảo đảm chất lượng chuyên môn, kỹ thuật mà còn đáp ứng yêu cầu của thể chế và các mục tiêu ưu tiên của Việt Nam. Tuy nhiên, bà cũng nhấn mạnh hiệu quả lâu dài của dự án sẽ phụ thuộc vào khả năng tiếp nhận, vận hành và tiếp tục hoàn thiện các hệ thống, bộ công cụ do dự án xây dựng của các cơ quan trong nước.

Đề cập đến ý nghĩa lâu dài của dự án, bà Francesca Nardini khẳng định, việc xây dựng một hệ thống dữ liệu minh bạch sẽ tạo nền tảng để các cơ quan quản lý hoạch định chính sách dựa trên cơ sở khoa học, tăng cường phối hợp giữa các bộ, ngành, sử dụng hiệu quả nguồn lực và củng cố niềm tin của các đối tác quốc tế đối với các cam kết khí hậu của Việt Nam.

UNDP cam kết tiếp tục đồng hành sát sao cùng Bộ Nông nghiệp và Môi trường cũng như các bộ, ngành liên quan trong chặng đường cuối của dự án, nhằm đảm bảo dự án về đích thành công và phát huy tối đa những thành quả đã đạt được.

Tại cuộc họp, các thành viên Ban chỉ đạo ghi nhận tính ứng dụng cao của các bộ công cụ kỹ thuật như hệ thống MRV, hệ thống kiểm kê khí nhà kính và hướng dẫn báo cáo minh bạch. Tuy nhiên, các đại biểu cũng thẳng thắn chỉ ra áp lực tiến độ rất lớn trong 3 tháng cuối, đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị, đồng thời cần đẩy mạnh đào tạo cho doanh nghiệp và địa phương nhằm nâng cao chất lượng cung cấp số liệu và báo cáo.



Quang cảnh tại cuộc họp.
Ảnh: Trung Nguyên/Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Trên cơ sở những kết quả đã đạt được ở giai đoạn 1 và nhu cầu thực tiễn, Ban quản lý dự án và UNDP đề xuất xây dựng CBIT giai đoạn 2 theo hướng chuyển từ tăng cường năng lực MRV cơ bản sang thiết lập hệ thống minh bạch quốc gia hoàn chỉnh, phù hợp với Khung minh bạch tăng cường (ETF). Trong thời gian tới, UNDP sẽ phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan có liên quan xác định các ưu tiên để xây dựng dự án CBIT giai đoạn 2.

Nguồn: Cục Biến đổi khí hậu (Tổng hợp)

HỘI THẢO TỪ CAM KẾT QUỐC TẾ ĐẾN THỰC TIỄN ĐỊA PHƯƠNG TRONG BẢO VỆ KHÍ HẬU VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC

Ngày 10 tháng 9 năm 2026, Cục Biến đổi khí hậu (DCC) đã phối hợp với Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ) tổ chức hội thảo "Từ cam kết quốc tế đến thực tiễn địa phương trong bảo vệ khí hậu và đa dạng sinh học" tại Hà Nội. Sự kiện nhằm tìm giải pháp biến các cam kết toàn cầu về khí hậu và đa dạng sinh học thành những hành động thiết thực, hiệu quả ở cấp địa phương.



Phó Cục trưởng điều hành Nguyễn Tuấn Quang phát biểu tại hội thảo.
Ảnh: Chu Hương/Cục Biến đổi khí hậu

Phát biểu tại hội thảo, ông Nguyễn Tuấn Quang, Phó Cục trưởng điều hành Cục Biến đổi khí hậu cho biết, biến đổi khí hậu và suy giảm đa dạng sinh học đang tác động trực tiếp đến phát triển kinh tế - xã hội, sinh kế của người dân và sức chống chịu của các địa phương. Thông qua Sáng kiến Khí hậu quốc tế (IKI), Chính phủ Đức đã dành sự hỗ trợ lâu dài và thiết thực cho Việt Nam. Các chương trình, dự án trong khuôn khổ IKI đã góp phần hỗ trợ Việt Nam thực hiện các mục tiêu về ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo tồn đa dạng sinh học.

Đến nay, IKI đã hỗ trợ khoảng 106 dự án tại Việt Nam, trong đó các dự án song phương có tổng giá trị hơn 90 triệu EUR. Theo ông, nguồn lực từ IKI là sự hỗ trợ quý báu, góp phần giúp Việt Nam thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu và Công ước về Đa dạng sinh học.

Tại hội thảo, các đại biểu tập trung trao đổi về việc triển khai các cam kết về khí hậu và đa dạng sinh học tại địa phương trong bối cảnh cải cách hành chính, phân cấp và sắp xếp lại tổ chức bộ máy. Qua đó, các cơ quan trung ương, địa phương và đối tác phát triển chia sẻ kinh nghiệm, chỉ ra những khó khăn trong quá trình thực hiện và đề xuất các giải pháp phù hợp với thực tiễn.

Về ứng phó với biến đổi khí hậu, các đại biểu tập trung trao đổi về cơ chế phối hợp giữa chính quyền các cấp và các bên liên quan, nhằm nâng cao năng lực quản trị, hiệu quả điều phối và trách nhiệm trong triển khai các nhiệm vụ. Trong lĩnh vực đa dạng sinh học, các đại biểu trao đổi về cách duy trì và nâng cao hiệu quả công tác bảo tồn trong quá trình tổ chức bộ máy và nhân sự có sự thay đổi.

Các ý kiến cũng đề cao vai trò của quan hệ đối tác đa bên và sự tham gia của cộng đồng, trong đó có yêu cầu lồng ghép yếu tố giới, nhằm bảo đảm các chính sách và cam kết về khí hậu, đa dạng sinh học được chuyển hóa hiệu quả thành hành động ở địa phương.

Qua thảo luận, các đại biểu nhấn mạnh yêu cầu tăng cường phối hợp liên ngành, phát huy các sáng kiến do cộng đồng dẫn dắt và gắn kết kế hoạch của địa phương với các nguồn lực tài chính phù hợp. Cùng với đó, việc củng cố quan hệ đối tác giữa các cấp, các ngành và các bên liên quan được xem là yếu tố quan trọng để nâng cao khả năng chống chịu trước biến đổi khí hậu và tăng cường bảo vệ hệ sinh thái tại Việt Nam.



Lễ trao giải cuộc thi ảnh trong khuôn khổ hội thảo.
Ảnh: Chu Hương/ Cục Biến đổi khí hậu

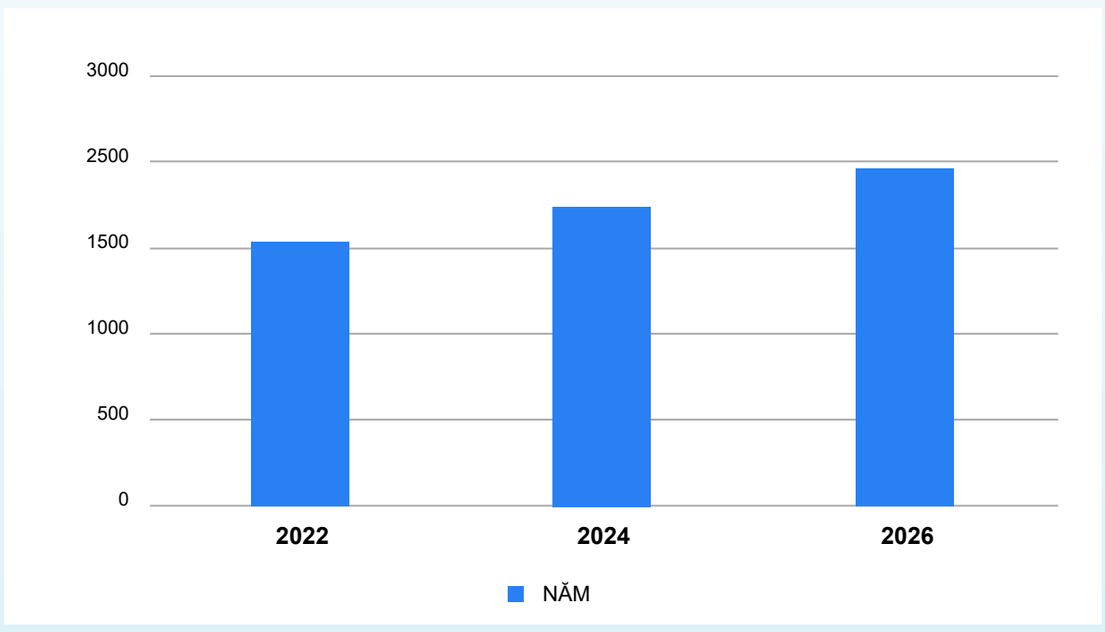
CẬP NHẬT CÁC CƠ SỞ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH PHẢI THỰC HIỆN KIỂM KÊ KHÍ NHÀ KÍNH

Ngày 10 tháng 8 năm 2026, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 42/2026/QĐ-TTg Ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính (cập nhật).

Theo quy định, Danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính được cập nhật định kỳ 2 năm một lần. Quyết định số 42/2026/QĐ-TTg là kỳ cập nhật năm 2026, trên cơ sở rà soát, cập nhật Danh mục được ban hành tại Quyết định số 13/2024/QĐ-TTg ngày 13/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

Việc ban hành Danh mục cập nhật năm 2026 nhằm tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu về các nguồn phát thải khí nhà kính, tạo căn cứ cho việc tổ chức kiểm kê khí nhà kính và triển khai các mục tiêu giảm phát thải trong giai đoạn 2026-2030, đồng thời tạo điều kiện để doanh nghiệp chủ động đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn mới của thị trường quốc tế liên quan đến phát thải khí nhà kính. Qua đó, góp phần thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam về giảm phát thải khí nhà kính, trong đó có việc thực hiện Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu và Thỏa thuận Paris.

Nội dung cập nhật Danh mục năm 2026 tập trung vào việc rà soát, bổ sung và điều chỉnh thông tin của các cơ sở phát thải khí nhà kính. Trong đó, bổ sung các cơ sở đáp ứng tiêu chí phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính nhưng chưa có trong Danh mục; cập nhật thông tin về tên pháp nhân, địa chỉ, tình trạng hoạt động của các cơ sở; đồng thời loại bỏ các cơ sở không còn đáp ứng tiêu chí hoặc đã chấm dứt hoạt động theo xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.



Số lượng cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính qua các năm

Theo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, số lượng cơ sở trong Danh mục năm 2026 tăng so với kỳ cập nhật trước là kết quả của quá trình rà soát, cập nhật dữ liệu trên cơ sở thông tin do các tỉnh, thành phố cung cấp sau quá trình sắp xếp, sáp nhập, đồng thời đối chiếu với các tiêu chí quy định tại Nghị định số 06/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP và Nghị định số 83/2026/NĐ-CP.

Quyết định số 42/2026/QĐ-TTg tiếp tục xác định 6 lĩnh vực phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính, gồm: năng lượng; giao thông vận tải; xây dựng; các quá trình công nghiệp; nông nghiệp, lâm nghiệp và sử dụng đất; chất thải. Đáng chú ý, Danh mục cơ sở phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính được cập nhật từ 2.166 cơ sở lên 2.441 cơ sở, tăng 275 cơ sở so với Danh mục được ban hành tại Quyết định số 13/2024/QĐ-TTg *(File đính kèm)*.

Về tổ chức thực hiện, Quyết định mới đã cập nhật, phân định rõ hơn trách nhiệm của các cơ quan quản lý, cập nhật cơ sở pháp lý phù hợp với hệ thống quy định hiện hành và tăng cường trách nhiệm của địa phương trong tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính, góp phần nâng cao tính thống nhất, chính xác và hiệu quả trong quá trình triển khai.

Theo đó, các cơ sở phát thải khí nhà kính thuộc các Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định có trách nhiệm thực hiện kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương và Bộ Xây dựng; đồng thời xây dựng và nộp báo cáo kiểm kê khí nhà kính của cơ sở theo quy định tại Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 và Nghị định số 83/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2026.

Quyết định cũng xác định rõ trách nhiệm của các Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, bao gồm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện đầy đủ nghĩa vụ kiểm kê và nộp báo cáo theo quy định pháp luật. Đặc biệt, Bộ Nông nghiệp và Môi trường được giao chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và Uỷ ban nhân dân (UBND) các tỉnh, thành phố cập nhật Danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định theo quy định.

Ở cấp địa phương, UBND các tỉnh, thành phố được giao không chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện kiểm kê mà còn chủ trì phối hợp với các Bộ liên quan để rà soát, cập nhật thông tin về các cơ sở phát thải khí nhà kính trên địa bàn; đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của Danh mục cơ sở phát thải khí nhà kính thuộc phạm vi quản lý.

Nguồn: Cục Biến đổi khí hậu (Tổng hợp)

NGÀY QUỐC TẾ BẢO VỆ TẦNG Ô-DÔN 16/9/2026 - HÀNH ĐỘNG TOÀN CẦU VÌ MỘT HÀNH TINH MÁT LÀNH HƠN



Ngày 16 tháng 9 năm 2026, Ngày Quốc tế bảo vệ tầng ô-dôn mang chủ đề "Hành động toàn cầu vì một hành tinh mát lành hơn", đánh dấu 10 năm Sửa đổi Kigali của Nghị định thư Montreal, một bước tiến quan trọng trong nỗ lực bảo vệ tầng ô-dôn gắn với ứng phó biến đổi khí hậu. Theo Ban Thư ký Ô-dôn thuộc Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP), Sửa đổi Kigali đã thúc đẩy quá trình cắt giảm hydrofluorocarbon (HFC), đồng thời đẩy nhanh chuyển đổi sang các giải pháp làm mát hiệu quả năng lượng và thân thiện với khí hậu.

Thông điệp năm 2026 nhấn mạnh rằng bảo vệ tầng ô-dôn và ứng phó biến đổi khí hậu có thể được thúc đẩy đồng thời thông qua chính sách dựa trên cơ sở khoa học, đổi mới công nghệ và hợp tác quốc tế. UNEP cho rằng những kết quả của Nghị định thư Montreal và Sửa đổi Kigali cho thấy các quốc gia có thể vừa bảo vệ tầng ô-dôn, vừa giảm tác động khí hậu của lĩnh vực làm lạnh và điều hòa không khí.

NĂNG LƯỢNG HYDROGEN VÀ TƯƠNG LAI CÔNG NGHIỆP KHÔNG PHÁT THẢI

Chiều ngày 29 tháng 7 năm 2026, Tạp chí Năng lượng sạch Việt Nam, Hiệp hội Năng lượng sạch Việt Nam (VCEA) đã phối hợp Viện Chiến lược thương hiệu và Cạnh tranh tổ chức diễn đàn "Năng lượng Hydrogen và tương lai công nghiệp không phát thải" đã diễn ra tại Hà Nội.



Ảnh minh hoạ được biên tập bằng AI

Trong bối cảnh thế giới đang bước vào giai đoạn chuyển dịch mạnh mẽ từ nhiên liệu hóa thạch sang các nguồn năng lượng sạch, hydrogen (đặc biệt là hydrogen xanh) được xem là giải pháp đột phá để giảm phát thải đối với những lĩnh vực khó điện khí hóa như công nghiệp nặng, vận tải đường dài, hàng hải và hàng không.

Để hiện thực hóa cam kết đạt phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050 tại COP26, ngày 7 tháng 2 năm 2024, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 165/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển năng lượng hydrogen của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Theo Chiến lược, Việt Nam định hướng phát triển hệ sinh thái năng lượng hydrogen dựa trên năng lượng tái tạo, bao gồm sản xuất, lưu trữ, vận chuyển, phân phối, sử dụng trong nước và xuất khẩu với hạ tầng đồng bộ, hiện đại, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng, thực hiện mục tiêu quốc gia về biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh và mục tiêu phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050.

Tuy nhiên, theo các chuyên gia, ngành công nghiệp hydrogen của Việt Nam hiện mới ở giai đoạn đầu phát triển. PGS. Phạm Hoàng Lương, Giảng viên cao cấp Đại học Bách khoa Hà Nội, Phó Chủ tịch VCEA cho biết, sản lượng hydrogen của Việt Nam hiện chỉ xấp xỉ 500 nghìn tấn mỗi năm và chủ yếu là hydrogen nâu (sản xuất từ than) và hydrogen xám (sản xuất từ khí tự nhiên không thu hồi các-bon). Việt Nam hiện chưa có dự án hydrogen xanh hoặc hydrogen xanh lam quy mô thương mại đi vào vận hành.

Nguồn hydrogen hiện nay chủ yếu phục vụ nhu cầu nội bộ của các nhà máy lọc dầu như Dung Quất, Nghi Sơn và các nhà máy sản xuất phân đạm như Phú Mỹ, Cà Mau, Ninh Bình, Hà Bắc. Thực trạng này cho thấy nhu cầu cấp thiết phải phát triển các nguồn hydrogen sạch trong thời gian tới.

Một trong những nội dung thu hút nhiều sự quan tâm tại diễn đàn là tiềm năng khai thác hydrogen tự nhiên (hydrogen trắng). Theo TS. Nguyễn Quốc Thập, Chủ tịch Hội Dầu khí Việt Nam, hydrogen tự nhiên tồn tại sẵn trong lòng đất, có thể khai thác trực tiếp với chi phí thấp và gần như không phát thải.



Quang cảnh tại diễn đàn. Ảnh: Tạp chí điện tử ứng dụng



Các đại biểu tham dự diễn đàn. Ảnh: Tạp chí điện tử ứng dụng

Việt Nam được đánh giá có nhiều điều kiện địa chất thuận lợi cho việc hình thành và tích tụ hydrogen tự nhiên. Nếu được nghiên cứu, thăm dò và khai thác hiệu quả, nguồn tài nguyên này có thể góp phần đa dạng hóa nguồn cung năng lượng, giảm phụ thuộc vào LNG và than nhập khẩu, qua đó tăng cường an ninh năng lượng quốc gia.

Bên cạnh tiềm năng khai thác hydrogen tự nhiên, sản xuất hydrogen xanh từ điện phân nước sử dụng năng lượng tái tạo vẫn được xác định là hướng phát triển chủ đạo trong dài hạn. TS. Dư Văn Toán, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển cho biết, Việt Nam sở hữu tiềm năng điện gió ngoài khơi rất lớn với trữ lượng kỹ thuật ước tính khoảng 600 GW. Việc tích hợp sản xuất hydrogen với các dự án điện gió ngoài khơi (OW2H) không chỉ tạo ra nguồn nhiên liệu sạch mà còn góp phần giảm áp lực lên hệ thống truyền tải điện.

Tuy nhiên, mô hình này vẫn đối mặt với nhiều thách thức như chi phí đầu tư lớn, yêu cầu công nghệ khử muối nước biển và công tác vận hành, bảo dưỡng thiết bị ngoài khơi phức tạp.

Đối với lĩnh vực giao thông vận tải, TS. Nguyễn Hữu Lương, Viện Dầu khí Việt Nam cho rằng hydrogen không nên được coi là giải pháp thay thế hoàn toàn xe điện chạy pin mà phù hợp hơn với các phân khúc khó điện khí hóa như xe tải hạng nặng, xe buýt đường dài và vận tải biển. Việc đầu tư hạ tầng trạm nạp hydrogen cũng cần được thực hiện theo lộ trình phù hợp với nhu cầu thực tế nhằm bảo đảm hiệu quả đầu tư.

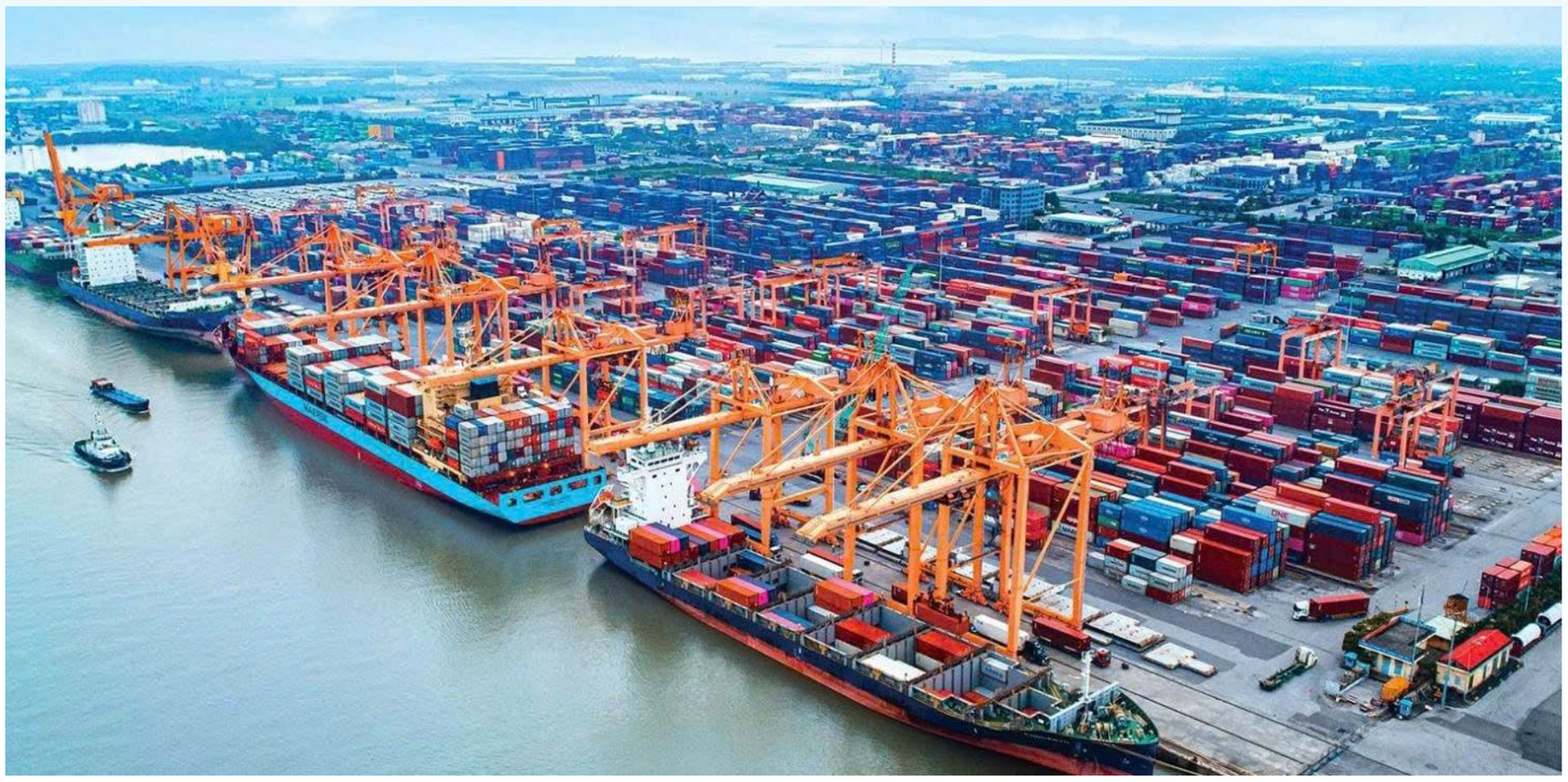
Các chuyên gia tham dự diễn đàn thống nhất rằng, công nghệ này đã có nhiều bước tiến nhưng để ngành công nghiệp hydrogen phát triển cần sớm hoàn thiện hành lang pháp lý. Theo đó, Việt Nam cần xây dựng đồng bộ hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho toàn bộ chuỗi giá trị hydrogen; đồng thời ban hành cơ chế giá, chính sách ưu đãi đầu tư, tín dụng xanh và các giải pháp hỗ trợ tài chính nhằm thu hẹp khoảng cách chi phí giữa hydrogen xanh và nhiên liệu hóa thạch trong giai đoạn đầu.

Các chuyên gia nhận định, với tiềm năng về năng lượng tái tạo và điều kiện địa chất thuận lợi, Việt Nam có cơ hội trở thành một mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng hydrogen xanh của khu vực. Tuy nhiên, để hiện thực hóa mục tiêu này cần sự phối hợp đồng bộ giữa Nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức quốc tế trong việc hoàn thiện chính sách, đầu tư hạ tầng và phát triển công nghệ.

Nguồn: Cục Biến đổi khí hậu (Tổng hợp)

THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU: HƯỚNG ĐI TẤT YẾU CỦA NGÀNH CẢNG BIỂN

Biến đổi khí hậu và nước biển dâng đang tạo ra những thách thức ngày càng lớn đối với hệ thống cảng biển, đặt ra yêu cầu cấp thiết về nâng cao năng lực chống chịu của kết cấu hạ tầng và bảo đảm hoạt động khai thác an toàn, liên tục.



Cảng biển Hải Phòng. Ảnh: Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Trong bối cảnh đó, ngành hàng hải Việt Nam đang tăng tốc đầu tư nâng cấp kết cấu hạ tầng, ứng dụng công nghệ tiên tiến và hoàn thiện các tiêu chuẩn thiết kế, vận hành theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu. Nhiều cảng biển đã chủ động triển khai các giải pháp kỹ thuật hiện đại nhằm giảm thiểu rủi ro, bảo đảm hoạt động khai thác ổn định và nâng cao khả năng thích ứng trước những tác động ngày càng gia tăng của biến đổi khí hậu.

Đánh giá thực trạng hạ tầng cảng biển hiện nay, ông Lê Tấn Đạt, Phó tổng giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng công trình hàng hải (CMB) cho biết, các tiêu chuẩn thiết kế cảng và đê chắn sóng của Việt Nam đã tính đến nhiều yếu tố quan trọng như nước biển dâng, chiều cao sóng và tần suất bão, từng bước tiệm cận với tiêu chuẩn quốc tế. Những yếu tố này được tích hợp ngay từ giai đoạn thiết kế cơ sở để bảo đảm an toàn cho công trình trong suốt vòng đời khai thác.

Tuy nhiên, vẫn còn một điểm nghẽn đáng lo ngại là hệ thống khu neo đậu tránh trú bão. Dù đã có quy hoạch, nhưng việc đầu tư bài bản cho các khu vực này vẫn chưa tương xứng, phần lớn còn dựa vào điều kiện tự nhiên sẵn có. Thực tế từ những đợt thiên tai trong những năm gần đây cho thấy nhu cầu đầu tư hạ tầng dài hạn, đồng bộ và có tầm nhìn về phòng tránh rủi ro đang trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết.

Ở góc độ doanh nghiệp khai thác cảng biển lãnh đạo Công ty CP Cảng Quy Nhơn cho rằng, một trong những thách thức lớn nhất là bài toán cân bằng giữa yêu cầu bảo đảm an toàn công trình trong dài hạn và tính hiệu quả về mặt kinh tế. Các công trình cảng biển thường có vòng đời khai thác từ hàng chục năm trở lên, trong khi kịch bản nước biển dâng và thời tiết cực đoan diễn ra ngày càng phức tạp. Nếu thiết kế hạ tầng theo những kịch bản cực đoan nhất để phòng ngừa mọi rủi ro tương lai, chi phí sẽ đội lên rất lớn, dễ dẫn đến lãng phí. Nhưng nếu tính toán ở ngưỡng thấp, doanh nghiệp sẽ phải đối mặt với những rủi ro khó lường. Bên cạnh đó, việc điều chỉnh kết cấu sau khi công trình hoàn thành rất tốn kém và phức tạp.

Trước thực tế này, việc xây dựng khung pháp lý, tiêu chuẩn kỹ thuật và cơ chế hỗ trợ đầu tư thích ứng khí hậu đang được xem là giải pháp nền tảng. Mặc dù việc nâng cao tiêu chuẩn kỹ thuật chắc chắn có thể làm tăng chi phí đầu tư ban đầu, nhưng đó là khoản đầu tư cần thiết để tránh những thiệt hại lớn hơn trong tương lai. Ngoài ra, khi được cụ thể hóa bằng các quy định rõ ràng, quản lý rủi ro thiên tai không chỉ trở thành lá chắn pháp lý mà còn là kim chỉ nam để doanh nghiệp cảng biển tự tin đổi mới công nghệ, nâng cấp hạ tầng và chủ động thích ứng.

Giới chuyên gia nhận định chỉ khi kết hợp giữa công nghệ, dữ liệu dự báo và quy hoạch dài hạn, ngành hàng hải mới có thể phát triển bền vững trước những biến động ngày càng khó lường của khí hậu toàn cầu.

Nguồn: Cục Biến đổi khí hậu (Tổng hợp)

QUẢNG NGÃI PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP GẮN VỚI THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Tỉnh uỷ Quảng Ngãi đã ban hành Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 20/7/2026 về phát triển lâm nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, định hướng đến năm 2035, trong đó xác định phát triển lâm nghiệp theo hướng xanh, đa giá trị, gắn với thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển thị trường các-bon rừng.



Rừng Quảng Ngãi hướng tới phát triển bền vững. Ảnh: Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Ngãi

Theo Nghị quyết, đến năm 2030, tỉnh phấn đấu duy trì tỷ lệ che phủ rừng đạt 60%; ngành lâm nghiệp giảm phát thải 1,129 triệu tấn các-bon, đồng thời hấp thụ và lưu giữ khoảng 10 triệu tấn các-bon. Đây là một trong những mục tiêu quan trọng nhằm nâng cao đóng góp của ngành lâm nghiệp vào thực hiện các mục tiêu về giảm phát thải và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Để thực hiện mục tiêu trên, Quảng Ngãi sẽ nghiên cứu tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách mới, trong đó có chính sách cung ứng tín chỉ các-bon rừng; đồng thời nghiên cứu mở rộng nguồn thu cho ngành lâm nghiệp từ dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon từ rừng. Tỉnh cũng định hướng chuyển đổi kinh doanh gỗ nguyên liệu sang phát triển rừng trồng gỗ lớn, góp phần nâng cao khả năng hấp thụ các-bon và giá trị kinh tế của rừng.

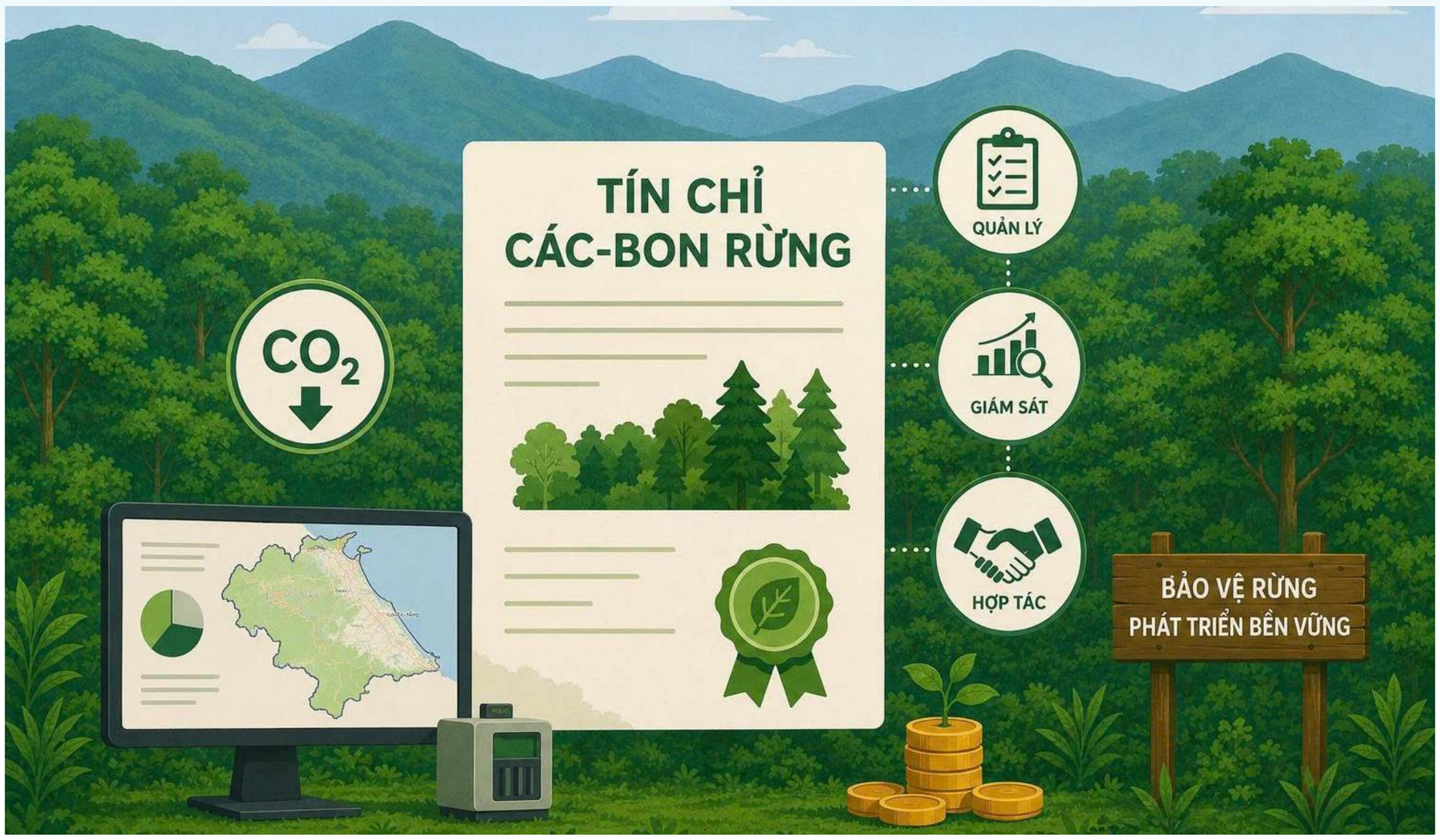
Nghị quyết đồng thời nhấn mạnh phát triển các mô hình nông - lâm kết hợp thích ứng với biến đổi khí hậu, gắn phát triển kinh tế lâm nghiệp với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và cải thiện sinh kế cho người dân sống gần rừng.

Quảng Ngãi cũng sẽ tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong lâm nghiệp, trong đó xây dựng bản đồ số vùng trồng bằng GIS, ứng dụng AI, IoT và Blockchain. Việc nâng cao chất lượng dữ liệu và giám sát diễn biến rừng sẽ góp phần tạo cơ sở cho quản lý tài nguyên rừng, cung ứng dịch vụ môi trường rừng và phát triển các giá trị các-bon trong thời gian tới.

Nguồn: Cục Biến đổi khí hậu (Tổng hợp)

ĐÀ NẴNG THÚC ĐẨY THỊ TRƯỜNG TÍN CHỈ CÁC-BON TỪ RỪNG

Ngày 18 tháng 8 năm 2026, Uỷ ban nhân dân (UBND) thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 3688/QĐ-UBND phê duyệt Đề án phát triển và quản lý tín chỉ các-bon rừng trên địa bàn thành phố giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035.



Ảnh minh hoạ được biên tập bằng AI

Trong giai đoạn 2026-2030, Đà Nẵng sẽ tập trung điều tra, rà soát hiện trạng rừng, tính toán trữ lượng các-bon và phân loại 100% diện tích rừng có tiềm năng triển khai các dự án các-bon rừng. Đồng thời, xây dựng cơ sở dữ liệu nền, xác lập đường cơ sở (baseline) và mức tham chiếu phát thải rừng (FREL/FRL). Đây là những nền tảng quan trọng để phục vụ đo đạc, báo cáo, thẩm định và xác minh (MRV), qua đó bảo đảm tính minh bạch và độ tin cậy của kết quả giảm phát thải, tăng hấp thụ các-bon từ rừng.

Từ nền tảng dữ liệu này, Đà Nẵng đặt mục tiêu đến năm 2030 có từ 1 đến 3 dự án các-bon rừng được cấp có thẩm quyền phê duyệt; hợp tác với ít nhất 2 đối tác trong nước và quốc tế; hoàn thành tối thiểu từ 1 đến 2 hồ sơ đăng ký dự án và tín chỉ các-bon rừng. Đặc biệt, thành phố phấn đấu ký ít nhất một hợp đồng mua bán tín chỉ các-bon trong nước hoặc quốc tế, bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật.

Bên cạnh mục tiêu hình thành nguồn cung tín chỉ, Đề án chú trọng xây dựng cơ chế quản lý, giám sát và phân chia lợi ích theo hướng công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng mục đích. Nguồn lực từ tín chỉ các-bon rừng được định hướng phục vụ trở lại cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, đồng thời góp phần nâng cao sinh kế cho người dân.

Đề án cũng đặt trọng tâm vào nâng cao năng lực và sự tham gia của các chủ rừng. Đến năm 2030, thành phố phấn đấu 100% cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về lâm nghiệp và các-bon rừng được đào tạo, tập huấn chuyên sâu về kiểm kê khí nhà kính, MRV và thị trường các-bon; hướng dẫn để tối thiểu 70% chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình và cộng đồng dân cư có rừng đủ điều kiện tham gia các hoạt động liên quan đến các-bon rừng.

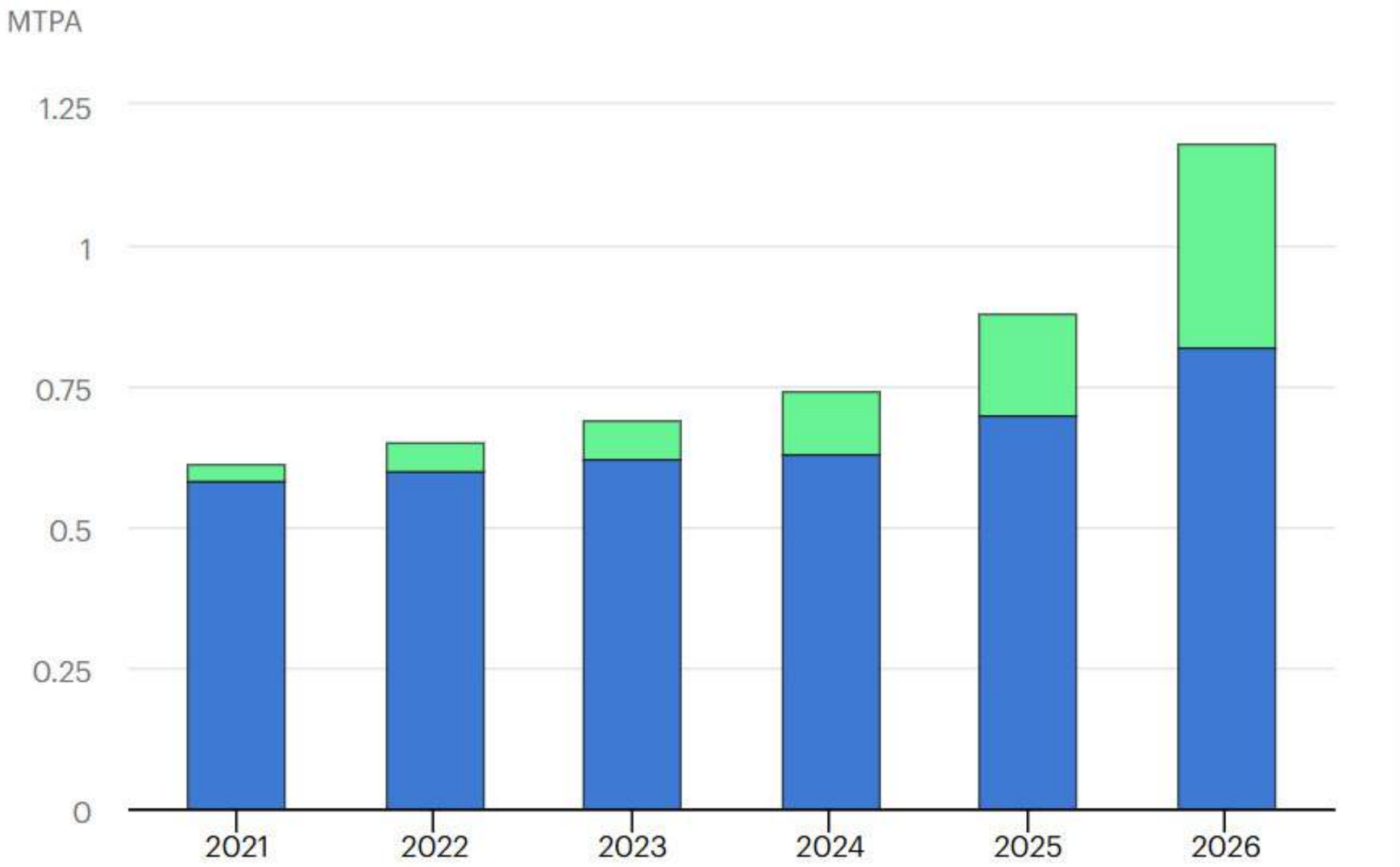
Định hướng đến năm 2035, Đà Nẵng đặt mục tiêu hoàn thiện và vận hành ổn định hệ thống quản lý các-bon rừng, nâng cao chất lượng cơ sở dữ liệu, hệ thống MRV và năng lực quản lý nhà nước trong phê duyệt dự án, cấp tín chỉ các-bon rừng. Thành phố cũng hướng tới từng bước tiếp cận các chuẩn mực quốc tế khi đủ điều kiện, chủ động kết nối nguồn cung tín chỉ các-bon rừng với thị trường các-bon trong nước, gắn với định hướng phát triển Trung tâm Tài chính quốc tế tại Đà Nẵng và hệ thống giao dịch các-bon theo lộ trình của Chính phủ.

Đề án được xem là bước đi nhằm khai thác giá trị hấp thụ và lưu giữ các-bon của hệ sinh thái rừng, hướng tới hình thành hệ thống quản lý các-bon rừng minh bạch, có khả năng kết nối với thị trường các-bon trong nước và từng bước tiếp cận thị trường quốc tế.

Nguồn: Cục Biến đổi khí hậu (Tổng hợp)

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VÀ XU HƯỚNG HYDROGEN TOÀN CẦU

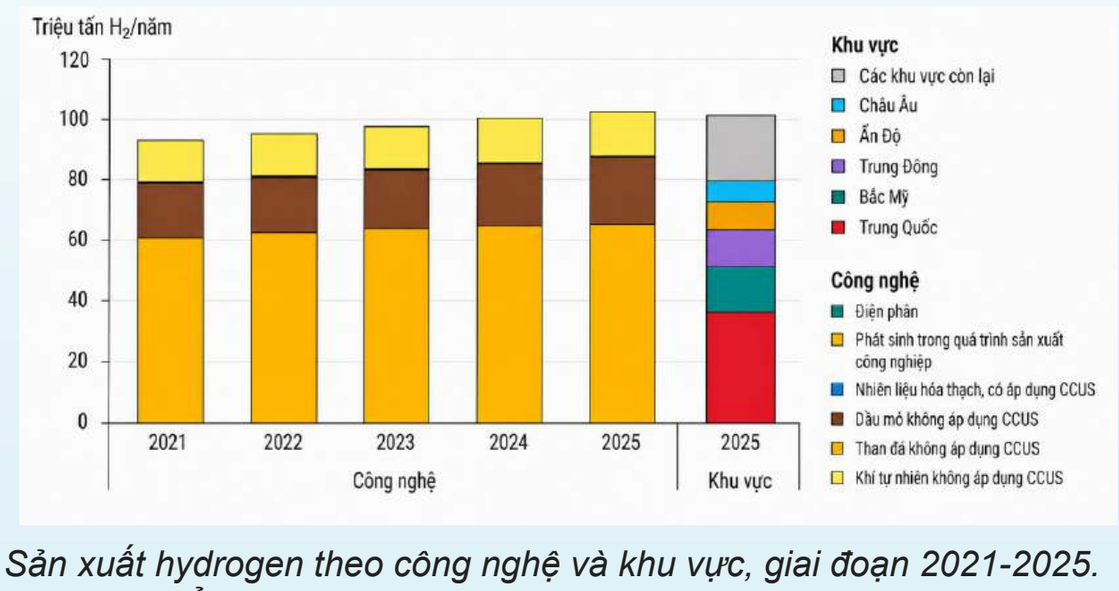
Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) đã công bố Báo cáo Đánh giá Hydrogen Toàn cầu 2026 (Global Hydrogen Review 2026), trong đó cho thấy lĩnh vực hydrogen phát thải thấp tiếp tục đạt được những bước tiến trong năm 2025.



Sản xuất hydrogen phát thải thấp, 2021-2026. Ảnh: International Energy Agency

Theo đó, nhu cầu hydrogen toàn cầu đã lần đầu tiên vượt mốc 100 triệu tấn trong năm 2025, tăng khoảng 3% so với năm trước. Tuy nhiên, phần lớn lượng hydrogen này vẫn được sử dụng trong các lĩnh vực truyền thống như sản xuất amoniac, lọc dầu, methanol và một số ngành công nghiệp nặng. Mặc dù nhu cầu hydrogen phát thải thấp trong các lĩnh vực ứng dụng mới như sản xuất thép, vận tải và nhiên liệu tổng hợp đang gia tăng, quy mô hiện vẫn chỉ chiếm một tỷ trọng rất nhỏ trong tổng nhu cầu hydrogen toàn cầu.

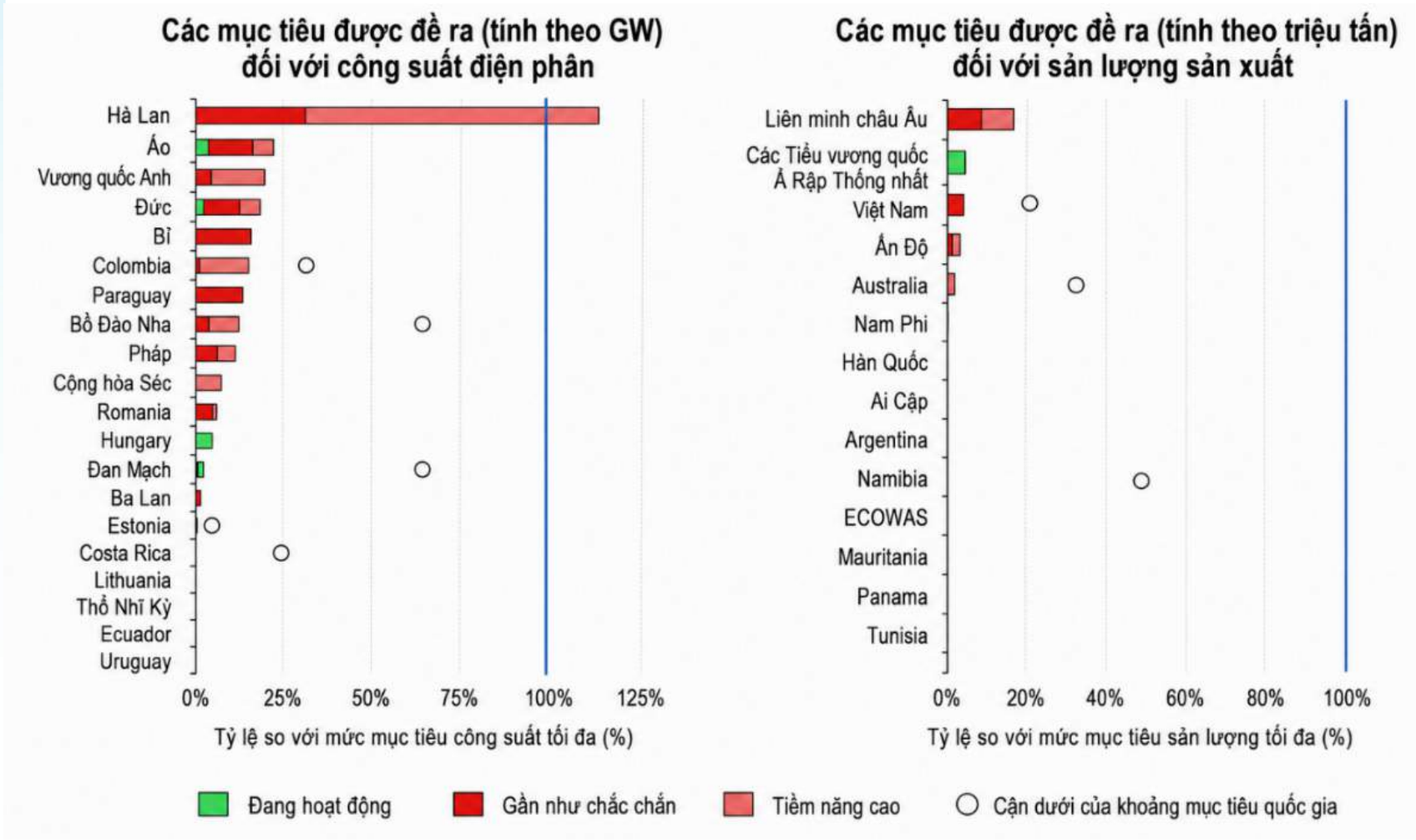
Sản lượng hydrogen phát thải thấp đạt gần 1 triệu tấn trong năm 2025, tăng khoảng 20% so với năm 2024. IEA dự báo trong năm 2026, hydrogen phát thải thấp sẽ lần đầu tiên vượt ngưỡng 1% tổng sản lượng hydrogen toàn cầu. Đây được xem là cột mốc quan trọng đối với quá trình chuyển dịch năng lượng, tuy nhiên phần lớn hydrogen trên thế giới hiện vẫn được sản xuất từ nhiên liệu hóa thạch, chủ yếu là khí tự nhiên và than đá mà chưa áp dụng công nghệ thu giữ các-bon, khiến hoạt động sản xuất hydrogen tiếp tục là nguồn phát thải đáng kể.



Sản xuất hydrogen theo công nghệ và khu vực, giai đoạn 2021-2025. Ảnh: Biên tập từ Global Hydrogen review 2026

IEA cho biết sự phát triển của hydrogen phát thải thấp trong năm 2025 được thúc đẩy bởi việc mở rộng công suất điện phân và triển khai các dự án sản xuất hydrogen kết hợp công nghệ thu giữ, sử dụng và lưu trữ các-bon (CCUS) tại nhiều quốc gia.

Trong đó, Trung Quốc tiếp tục dẫn đầu thế giới về mở rộng công suất điện phân, với gần ba phần tư công suất điện phân mới của toàn cầu được lắp đặt trong năm 2025, đưa tổng công suất điện phân lắp đặt trên thế giới vượt 4 GW.



So sánh mục tiêu sản xuất hydrogen từ các nguồn tái tạo với khả năng hoàn thành dự án trong danh mục của từng quốc gia/khu vực vào năm 2030. Ảnh: Biên tập từ Global Hydrogen review 2026

Tuy nhiên, cạnh tranh nội địa gay gắt do dư thừa năng lực sản xuất đang thúc đẩy quá trình tái cơ cấu thị trường, đồng thời số dự án sản xuất hydrogen đạt Quyết định đầu tư chính thức (FID) mới tại nước này cũng giảm lần đầu tiên trong năm 2025. Dù vậy, IEA cho rằng các chính sách hỗ trợ mới được Trung Quốc công bố từ nửa cuối năm 2025 nhằm mở rộng sử dụng hydrogen và nhiên liệu trên cơ sở hydrogen sang các lĩnh vực mới sẽ tạo động lực thúc đẩy đầu tư trong những năm tới.

Trong khi đó, tại châu Âu, các dự án hydrogen quy mô lớn đầu tiên dự kiến đi vào hoạt động trong năm 2026. Tuy nhiên, tiến độ mở rộng thị trường vẫn bị chậm do quá trình triển khai chính sách và hoàn thiện các quy định của Liên minh châu Âu diễn ra chậm hơn kỳ vọng. Tại Bắc Mỹ, một số dự án hydrogen kết hợp thu giữ, sử dụng và lưu trữ các-bon (CCUS) đã đạt FID, song phần lớn các dự án vẫn hướng tới xuất khẩu và phụ thuộc vào sự hình thành thị trường tiêu thụ hydrogen phát thải thấp tại Nhật Bản và Liên minh châu Âu.

Báo cáo cũng cho thấy đầu tư vào hydrogen phát thải thấp tiếp tục tăng. Chi tiêu cho các dự án hydrogen phát thải thấp đạt gần 7 tỷ USD trong năm 2025, gần gấp đôi năm 2024. Đáng chú ý, lần đầu tiên đầu tư vào các dự án điện phân nước vượt đầu tư vào các dự án sản xuất hydrogen kết hợp CCUS.

Tuy nhiên, IEA nhận định tiến độ phát triển các dự án vẫn chưa đáp ứng kỳ vọng. Mặc dù nhiều dự án mới tiếp tục được công bố nhưng số lượng dự án đạt được FID vẫn còn hạn chế. Nhiều dự án tiếp tục đối mặt với chi phí đầu tư cao, khó khăn về tài chính, hạ tầng vận chuyển và lưu trữ chưa hoàn thiện, cùng với việc thiếu các hợp đồng tiêu thụ dài hạn làm gia tăng rủi ro và ảnh hưởng đến tiến độ triển khai. Bên cạnh đó các chính sách hiện nay mới chỉ giúp một số dự án đạt được FID, chưa đủ để tạo ra quy mô thị trường, giảm chi phí và bảo đảm tăng trưởng bền vững.

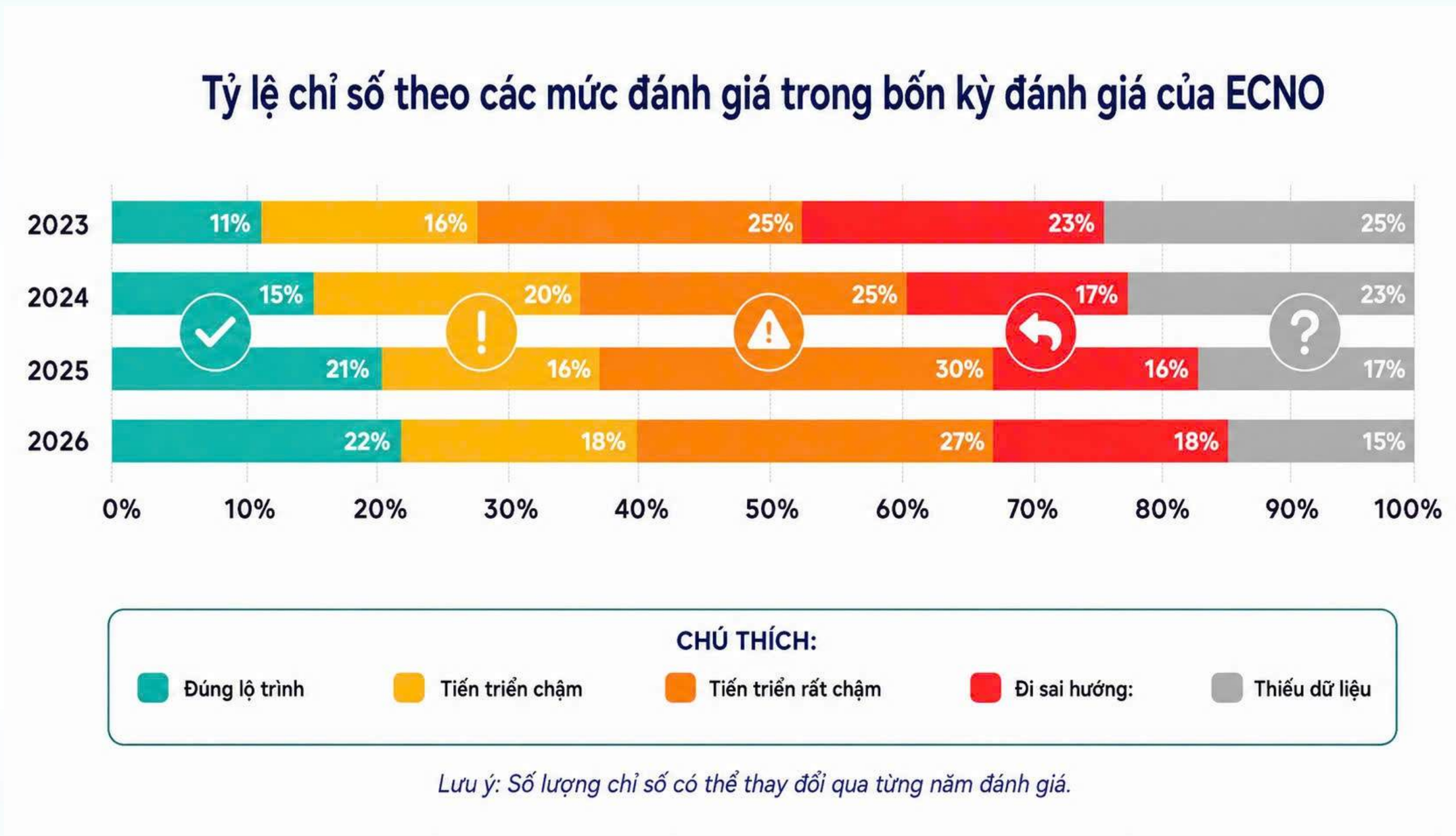
Báo cáo cũng cho thấy triển vọng phát triển hydrogen phát thải thấp đến năm 2030 vẫn đối mặt với nhiều thách thức. Tổng sản lượng hydrogen phát thải thấp tiềm năng từ các dự án đã được công bố đến năm 2030 hiện giảm xuống còn 27 triệu tấn vào năm 2030, chủ yếu do nhiều dự án bị trì hoãn sau năm 2030 hoặc bị hủy bỏ. So với Báo cáo Global Hydrogen Review 2025, sản lượng từ các dự án đã cam kết hoặc có khả năng cao đi vào vận hành trước năm 2030 giảm từ khoảng 10 triệu tấn xuống còn hơn 6 triệu tấn do các quyết định đầu tư bị chậm trễ, trong bối cảnh đà đầu tư trong năm 2025 đã chậm lại.

Tuy nhiên, những khó khăn hiện nay không làm thay đổi triển vọng phát triển dài hạn của hydrogen phát thải thấp. Lĩnh vực này đã đạt nhiều tiến bộ kể từ năm 2020 và được kỳ vọng sẽ tăng tốc trong nửa sau của thập kỷ này. Tuy nhiên, để hiện thực hóa các mục tiêu đã công bố và phát huy vai trò trong quá trình chuyển dịch năng lượng, các quốc gia cần tiếp tục hoàn thiện chiến lược phát triển dài hạn nhằm tạo tín hiệu rõ ràng cho thị trường, đồng thời duy trì các cơ chế hỗ trợ sản xuất ổn định, đẩy nhanh đầu tư hạ tầng và triển khai hiệu quả các chính sách tạo nhu cầu sử dụng trong những lĩnh vực khó giảm phát thải.

Nguồn: Global Hydrogen review 2026

ECNO CÔNG BỐ BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TIẾN ĐỘ HƯỚNG TỚI MỤC TIÊU TRUNG HÒA KHÍ HẬU LẦN THỨ TƯ

Ủy ban Quan sát Trung hòa Khí hậu châu Âu (European Climate Neutrality Observatory - ECNO) đã công bố Báo cáo Tiến độ hướng tới trung hòa khí hậu của EU năm 2026 (ECNO Flagship Report 2026). Đây là báo cáo đánh giá độc lập thường niên lần thứ tư về quá trình thực hiện mục tiêu trung hòa khí hậu của Liên minh châu Âu (EU) vào năm 2050.



Tỷ lệ các chỉ số theo mức đánh giá trong bốn kỳ đánh giá của ECNO.
Ảnh: Biên tập từ ECNO Flagship Report 2026

Báo cáo được xây dựng trên cơ sở theo dõi 146 chỉ số thuộc 13 lĩnh vực trọng yếu trong quá trình chuyển đổi, bao gồm nhiều lĩnh vực từ hệ thống điện, giao thông, công nghiệp, tài chính đến công nghệ sạch cùng các yếu tố nền tảng của quá trình chuyển đổi. Mỗi chỉ số được đánh giá theo bốn mức độ gồm: đúng lộ trình, tiến triển chậm, tiến triển rất chậm hoặc đi sai hướng, qua đó phản ánh mức độ tiến bộ của từng lĩnh vực cũng như những điểm nghẽn trong quá trình chuyển đổi.

Theo đó, sau 5 năm kể từ khi mục tiêu trung hòa khí hậu được luật hóa, quá trình chuyển đổi của châu Âu đã đạt được nhiều tiến bộ đáng ghi nhận. Hơn một nửa số chỉ số theo dõi có tốc độ tiến triển nhanh hơn so với năm 2025, trong khi gần một phần tư chỉ số hiện được đánh giá "đúng lộ trình", tăng từ mức 11% vào năm 2023.

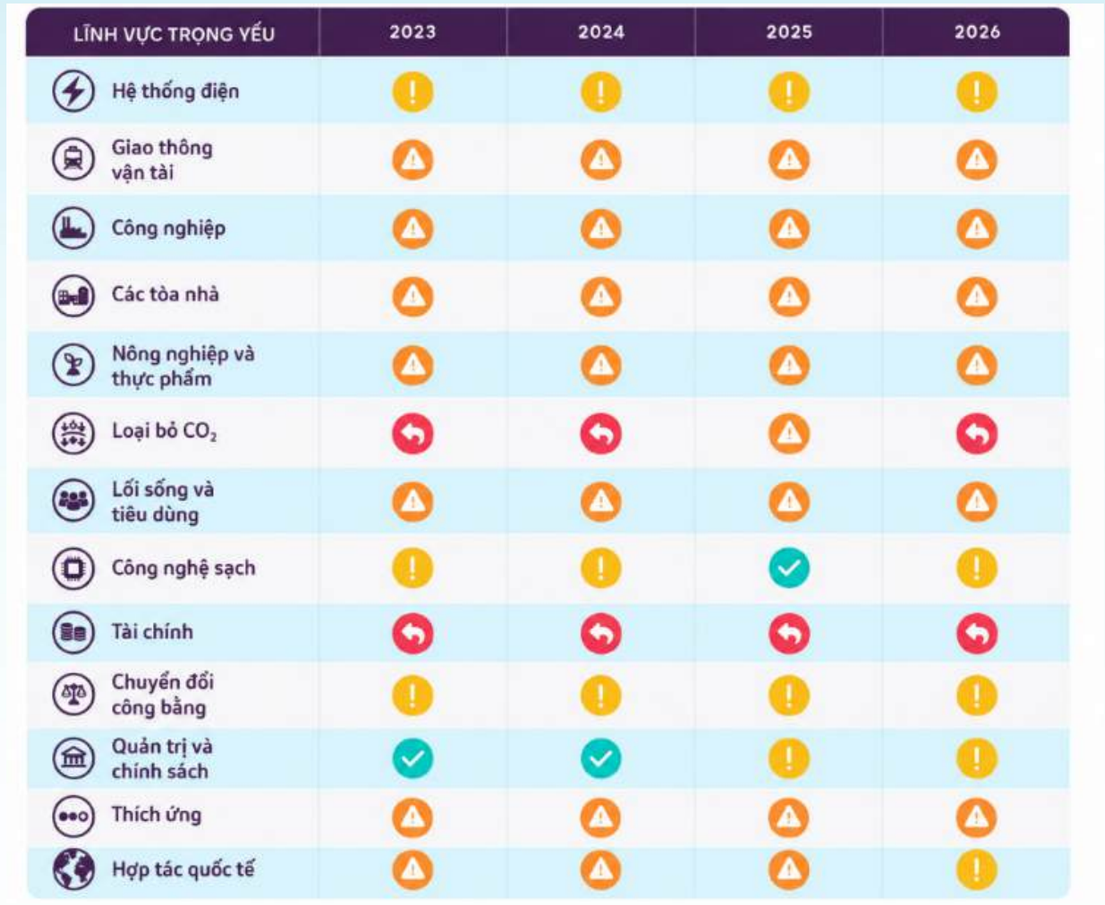
Tuy đã đạt được nhiều tiến bộ, nhưng chưa có lĩnh vực nào trong 13 lĩnh vực được theo dõi đang tiến triển đủ nhanh để đáp ứng mục tiêu trung hòa khí hậu vào năm 2050. Tiến độ giữa các lĩnh vực còn thiếu đồng đều, khiến EU tiếp tục đối mặt với các rủi ro về phụ thuộc chiến lược, khả năng cạnh tranh kinh tế và những tác động ngày càng gia tăng của biến đổi khí hậu.

Trong bức tranh chung đó, báo cáo vẫn ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực, đặc biệt trong giao thông, công trình xây dựng và sử dụng năng lượng. Số lượng đăng ký xe không phát thải (ZEV) đạt mức cao kỷ lục trong năm 2025 và tiếp tục tăng trong nửa đầu năm 2026. Doanh số máy bơm nhiệt cũng phục hồi một phần trong năm 2025, trong khi nhu cầu năng lượng cho sưởi ấm và làm mát giảm nhanh hơn so với đánh giá năm trước. Tỷ trọng các khoản trợ cấp năng lượng dành cho mục tiêu nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng đã tăng gấp đôi trong giai đoạn 2021-2024. Bên cạnh đó, EU cũng tăng đóng góp cho tài chính khí hậu quốc tế, qua đó duy trì vai trò hỗ trợ các nỗ lực ứng phó với biến đổi khí hậu trên phạm vi toàn cầu.

Dù vậy, ECNO cảnh báo tiến độ tổng thể vẫn chưa đáp ứng yêu cầu khi đầu tư cho công nghệ sạch tiếp tục suy giảm, dòng vốn đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu của quá trình chuyển đổi, trợ cấp nhiên liệu hóa thạch vẫn ở mức cao và khả năng hấp thụ các-bon của hệ sinh thái tự nhiên tiếp tục giảm do diện tích rừng tăng chậm và trữ lượng các-bon trong rừng suy giảm.

Môi trường chính sách nhìn chung vẫn hỗ trợ mục tiêu trung hòa khí hậu, với cơ cấu chính sách được đánh giá là thuận lợi đối với 85% các mục tiêu và 70% các yếu tố hỗ trợ mà ECNO theo dõi. Tuy nhiên, một số chính sách quan trọng đã bị làm suy yếu. Đáng chú ý, mục tiêu giảm 100% phát thải đối với ô tô và xe tải nhẹ mới vào năm 2035 đã bị điều chỉnh, làm suy yếu tín hiệu đầu tư đối với các nhà sản xuất ô tô; trong khi các yêu cầu về báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp cũng bị thu hẹp đáng kể.

Trên cơ sở những kết quả và thách thức nêu trên, ECNO xác định sáu nhóm hành động ưu tiên nhằm tăng cường khả năng chống chịu của châu Âu trong quá trình hướng tới trung hòa khí hậu bao gồm: đẩy nhanh phát triển và tích hợp điện từ năng lượng tái tạo; thúc đẩy điện hóa giao thông, công trình xây dựng và công nghiệp; chuyển trợ cấp nhiên liệu hóa thạch sang hỗ trợ quá trình chuyển đổi công bằng; củng cố vị thế dẫn đầu về công nghệ sạch và khử các-bon trong công nghiệp; tăng cường tái sử dụng và thu hồi vật liệu; và giảm mức độ dễ bị tổn thương của hệ thống lương thực.



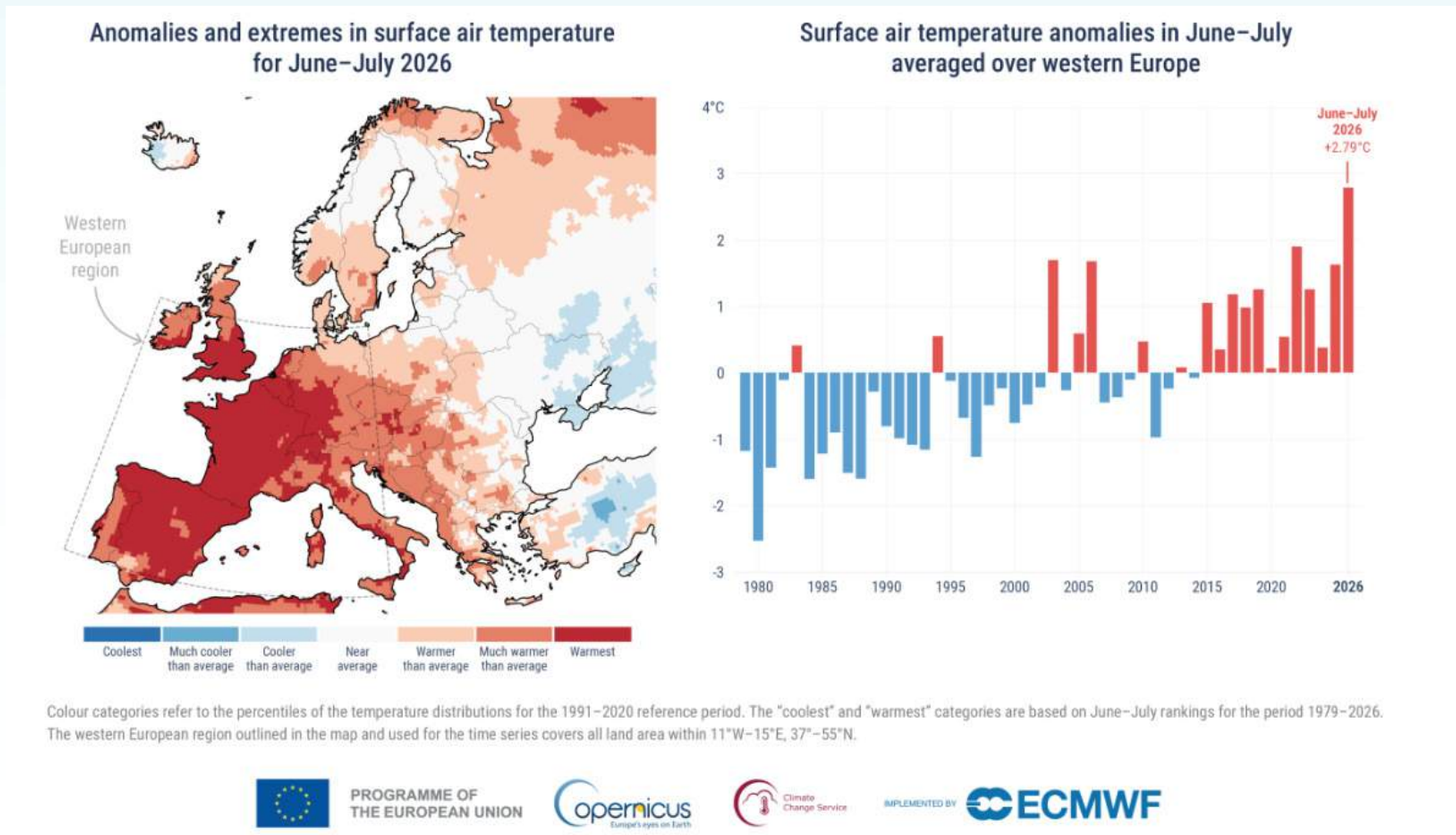
Đánh giá tiến độ chuyển đổi hướng tới trung hòa khí hậu theo 13 lĩnh vực trọng yếu giai đoạn 2023-2026.
Ảnh: Biên tập từ ECNO Flagship Report 2026

Trong bối cảnh đó, ECNO nhấn mạnh sự cần thiết phải bảo vệ các chính sách chủ chốt của EU, như Hệ thống giao dịch phát thải của EU (EU ETS), đồng thời tận dụng những thách thức về an ninh năng lượng hiện nay để thúc đẩy các hành động vì khí hậu. Theo ECNO, tăng cường khả năng thích ứng và đẩy nhanh quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế trung hòa khí hậu cần được xem là hai mục tiêu bổ trợ cho nhau, tạo nền tảng để EU hiện thực hóa mục tiêu phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050.

Nguồn: ECNO Flagship Report 2026

TÂY ÂU GHI NHẬN THÁNG 6 VÀ 7 NÓNG NHẤT LỊCH SỬ

Theo Hệ thống giám sát biến đổi khí hậu thuộc Chương trình Copernicus Liên minh châu Âu (EU), Tây Âu trải qua giai đoạn tháng 6 và tháng 7 năm 2026 nóng nhất từng được ghi nhận, trong khi nắng nóng và hạn hán đang làm gia tăng các vụ cháy rừng nghiêm trọng trên khắp khu vực



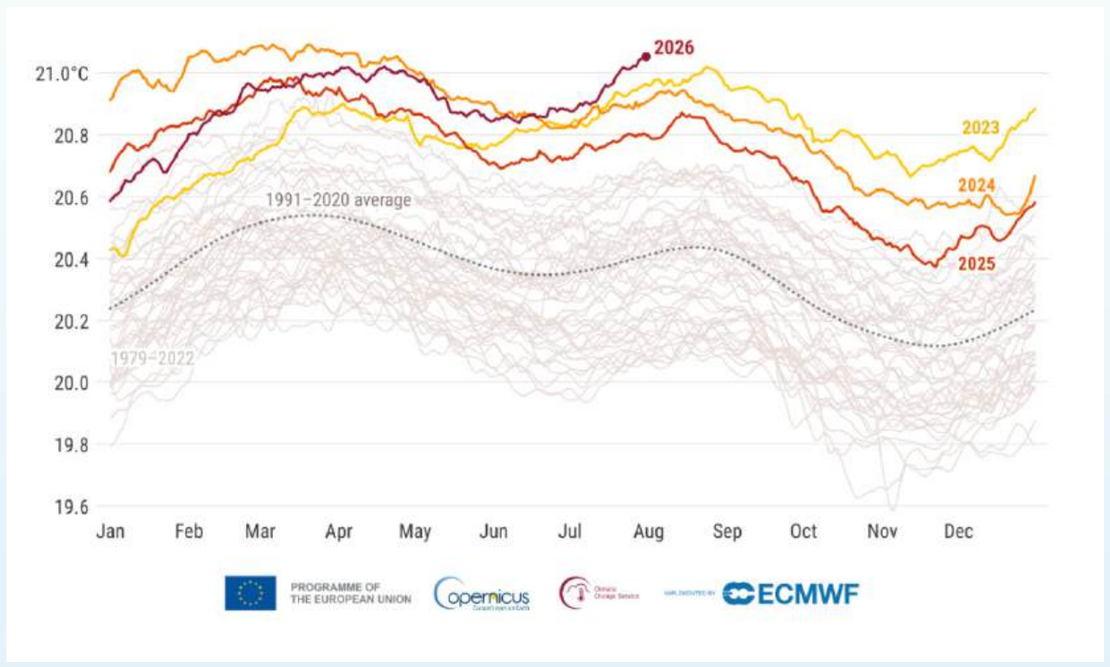
Nhiệt độ bề mặt không khí cao bất thường tại Tây Âu trong tháng 6-7. Ảnh: C3S/ECMWF

Nhiệt độ trung bình tại Tây Âu từ tháng 6 đến tháng 7 đạt 21,62°C, cao hơn 2,79°C so với mức trung bình, vượt kỷ lục được ghi nhận vào năm 2022. Laurence Rouil, Giám đốc Cơ quan Theo dõi Khí quyển Copernicus cho biết, biến đổi khí hậu đang ngày càng làm gia tăng các điều kiện thời tiết nóng và khô, tạo thuận lợi cho những vụ cháy rừng quy mô lớn, cường độ cao tại miền Nam châu Âu, đồng thời kéo dài mùa cháy rừng về phía Bắc. Tình trạng khô hạn kết hợp với các đợt nắng nóng lan rộng đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động cháy rừng, đặc biệt tại Tây Âu, cả về diện tích bị thiêu rụi và lượng phát thải.

Nền nhiệt cao không chỉ được ghi nhận tại Tây Âu mà còn thể hiện rõ trên phạm vi toàn cầu. Tháng 7/2026 là tháng 7 nóng thứ hai từng được ghi nhận trong bộ dữ liệu ERA5. Nhiệt độ bề mặt không khí trung bình toàn cầu trong tháng đạt 16,90°C, cao hơn 0,67°C so với mức trung bình tháng 7 của giai đoạn 1991-2020 và cao hơn 1,47°C so với mức trung bình ước tính của thời kỳ tiền công nghiệp 1850-1900.

Tại các vùng đại dương ngoài khu vực cực (60° vĩ Nam đến 60° vĩ Bắc), nhiệt độ bề mặt nước biển trung bình cũng đạt mức cao nhất từng được ghi nhận trong tháng 7 và vượt kỷ lục 20,89°C thiết lập vào năm 2023. Tại vùng nhiệt đới Thái Bình Dương, nhiệt độ bề mặt biển tiếp tục duy trì ở mức cao bất thường trên diện rộng, trong bối cảnh hiện tượng El Niño được dự báo sẽ tiếp tục mạnh lên trong những tháng tới. Tại châu Âu, nhiệt độ bề mặt biển đạt mức kỷ lục trong tháng 7 dọc theo bờ biển Đại Tây Dương và phía tây Địa Trung Hải, gắn với tình trạng sóng nhiệt biển mạnh hoặc nghiêm trọng trên diện rộng.

Nắng nóng kéo dài đi kèm lượng mưa và độ ẩm đất thấp đã làm gia tăng tình trạng khô hạn tại nhiều khu vực châu Âu. Trong tháng 7, điều kiện khô hạn hơn mức trung bình tiếp tục diễn ra và trở nên nghiêm trọng hơn tại phần lớn Tây Âu và nhiều khu vực Trung Âu, đặc biệt ở một số vùng thuộc bán đảo Iberia, Pháp, Đức, Áo và Hungary.



Nhiệt độ bề mặt biển trung bình hàng ngày (°C) tại các vùng đại dương ngoài khu vực cực (60°S–60°N). Ảnh: C3S/ECMWF

Vương quốc Anh, Ireland và khu vực Benelux gồm Bỉ, Hà Lan và Luxembourg cũng ghi nhận tình trạng khô hạn đáng kể. Một số cơ quan quốc gia báo cáo lượng mưa và độ ẩm đất thiếu hụt ở mức đặc biệt, thậm chí đạt mức kỷ lục tại Pháp, Tây Ban Nha, một số khu vực của Đức và Vương quốc Anh. Các nhà khoa học dự đoán, nhiệt độ trung bình toàn cầu sẽ lập kỷ lục mới vào cuối năm nay hoặc đầu năm 2027.

Nguồn: Copernicus Climate Change Service

PHÊ DUYỆT PHƯƠNG PHÁP LUẬN CHO CÁC DỰ ÁN ĐIỆN TÁI TẠO THEO CƠ CHẾ ĐIỀU 6.4

Ngày 30 tháng 7 năm 2026, Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC) cho biết Cơ chế tín chỉ theo Điều 6.4 của Thỏa thuận Paris đã đạt thêm một bước tiến quan trọng với việc phê duyệt phương pháp luận áp dụng cho các dự án sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo kết nối với hệ thống điện. Theo UNFCCC, phương pháp luận này tạo cơ sở để các hoạt động điện tái tạo đáp ứng các yêu cầu của Cơ chế Điều 6.4 có thể được xem xét đăng ký và tạo tín chỉ giảm phát thải theo cơ chế.

Đây là bước mở rộng đáng chú ý của thị trường các-bon theo Thỏa thuận Paris, khi điện tái tạo được đưa vào phạm vi các hoạt động có thể áp dụng phương pháp luận của Cơ chế Điều 6.4. Tuy nhiên, các dự án vẫn phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về tính bổ sung, xác định mức phát thải cơ sở, giám sát và các quy định liên quan trước khi được đăng ký và phát hành tín chỉ.

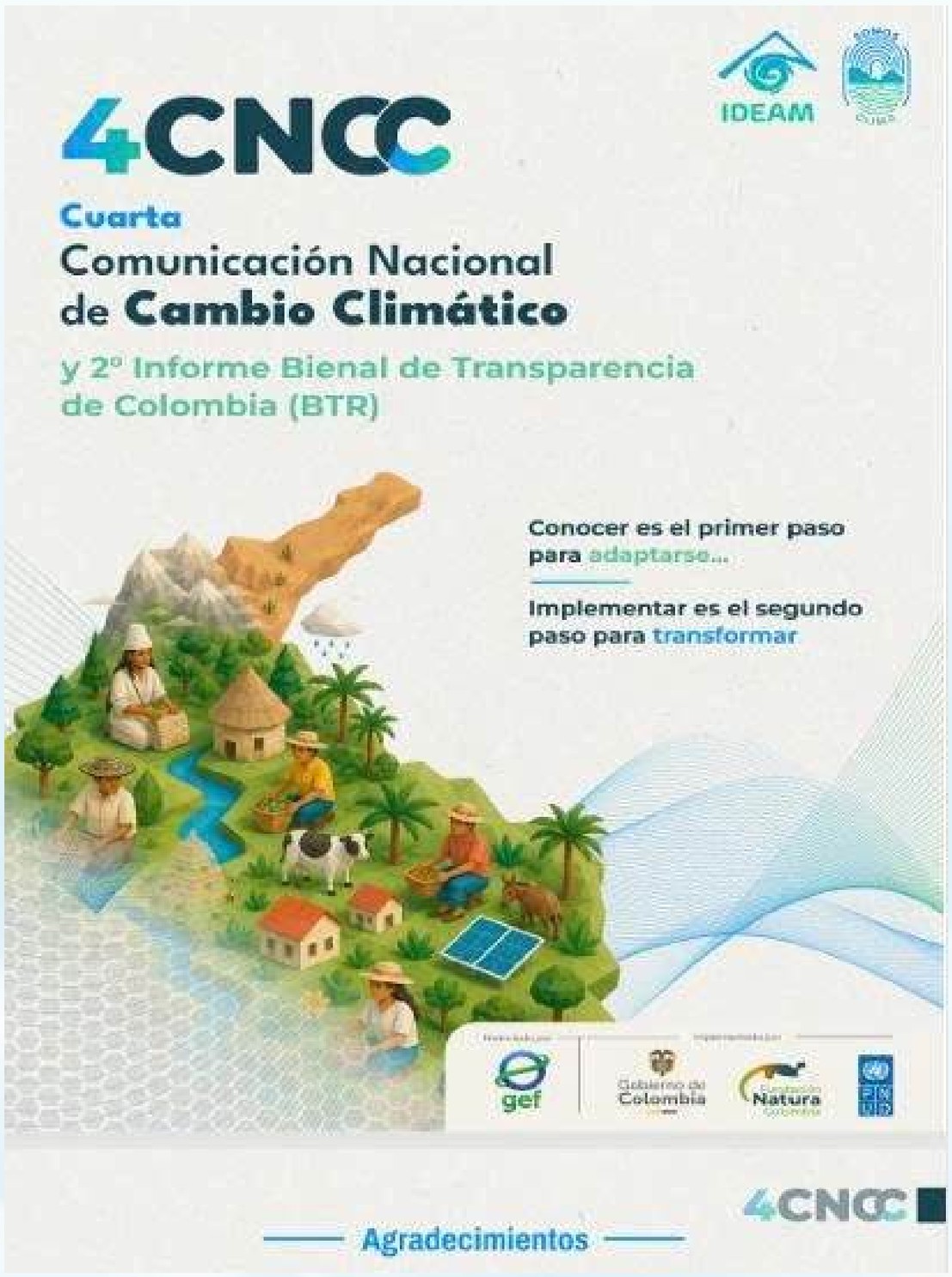
Nguồn: United Nations Climate change



Ảnh: United Nations Climate change

COLOMBIA TRỞ THÀNH QUỐC GIA ĐẦU TIÊN NỘP BÁO CÁO MINH BẠCH HAI NĂM MỘT LẦN THỨ HAI

Colombia đã trở thành quốc gia đầu tiên nộp Báo cáo Minh bạch Hai năm một lần lần thứ hai (BTR2) theo Khuôn khổ minh bạch nâng cao (ETF) của Thỏa thuận Paris, đánh dấu một cột mốc quan trọng đối với hệ thống minh bạch, nền tảng cho việc thúc đẩy hành động khí hậu toàn cầu.



Báo cáo BTR2 và NC4 của Colombia.
Ảnh: United Nations Climate change

Báo cáo BTR2 của Colombia được nộp ngày 8 tháng 8 năm 2026, cùng với Thông báo quốc gia lần thứ tư (NC4) theo Công ước Khung của Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu (UNFCCC). Báo cáo bao gồm kiểm kê quốc gia về phát thải và hấp thụ khí nhà kính; tiến độ thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC); các chính sách và biện pháp giảm nhẹ; tác động của biến đổi khí hậu và thích ứng; nhu cầu và hỗ trợ đã nhận được về tài chính, chuyển giao công nghệ và xây dựng năng lực; các hoạt động nâng cao nhận thức và sự tham gia của công chúng về biến đổi khí hậu; cùng hoạt động nghiên cứu và quan trắc có hệ thống.

Nguồn: United Nations Climate change

KHÁNH THÀNH CƠ SỞ THU GIỮ VÀ LƯU TRỮ CÁC-BON LỚN NHẤT CHÂU ÂU TẠI HÀ LAN

Ngày 7 tháng 9 năm 2026, cơ sở thu giữ và lưu trữ các-bon (CCS) tại nhà máy Yara Sluiskil ở Hà Lan chính thức được khánh thành và đi vào vận hành, đánh dấu bước tiến quan trọng trong nỗ lực giảm phát thải của ngành công nghiệp châu Âu.



Cơ sở CCS lớn nhất châu Âu

Cơ sở được xây dựng tại Sluiskil, tỉnh Zeeland, Hà Lan, thuộc tổ hợp sản xuất amoniac và phân bón của Yara, một trong những cơ sở sản xuất amoniac và phân bón lớn nhất châu Âu. Dự án là một kết quả trực tiếp của Liên minh Xanh EU và Na Uy được ký kết năm 2023.

Điểm đáng chú ý của dự án Yara Sluiskil không chỉ nằm ở quy mô thu giữ CO_2 mà còn ở việc hình thành một chuỗi giá trị CCS xuyên biên giới hoàn chỉnh, từ thu giữ, hóa lỏng, vận chuyển đến lưu trữ lâu dài.

Sau khi được thu giữ và hóa lỏng tại Sluiskil, CO_2 sẽ được lưu trữ tạm thời tại cơ sở của Yara trước khi được vận chuyển bằng tàu chuyên dụng của orthern Lights tới Øygarden, Na Uy. Tại đây, CO_2 tiếp tục được đưa qua hệ thống đường ống và lưu trữ vĩnh viễn ở độ sâu khoảng 2.600m dưới đáy biển trên thềm lục địa Na Uy.

Theo Yara, dự án dự kiến thu giữ và lưu trữ khoảng 12 triệu tấn CO_2 trong 15 năm, với công suất tối đa 800.000 tấn CO_2 mỗi năm, lượng phát thải được xử lý tương đương khoảng 0,5% tổng lượng phát thải hằng năm của Hà Lan và được xác định là dự án CCS thương mại lớn nhất châu Âu hiện nay.

Dự án được đánh giá có ý nghĩa đối với quá trình giảm phát thải của các ngành công nghiệp sử dụng nhiều năng lượng, trong đó có sản xuất phân bón và amoniac. Ủy ban châu Âu cũng cho rằng dự án là một ví dụ về khả năng kết hợp đầu tư tư nhân với hỗ trợ công và hợp tác xuyên biên giới để phát triển hạ tầng quản lý các-bon tại châu Âu.

Nguồn: European Commission

THÁI LAN THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG ĐIỆN SẠCH

Hội đồng Chính sách Năng lượng Quốc gia Thái Lan (NEPC) đã thông qua một loạt biện pháp nhằm thúc đẩy thị trường điện sạch, tăng cạnh tranh và mở rộng khả năng tiếp cận nguồn điện tái tạo.

Theo Bộ trưởng Bộ Năng lượng Thái Lan, ông Akanat Promphan, nước này sẽ mở rộng cơ chế thỏa thuận mua điện trực tiếp từ các nguồn năng lượng tái tạo (DPPA). Theo cơ chế này, doanh nghiệp có thể mua điện sạch trực tiếp từ các nhà sản xuất năng lượng tái tạo thông qua hệ thống lưới điện theo cơ chế cho phép bên thứ ba tiếp cận lưới điện (TPA). Chính sách này nhằm mở rộng khả năng tiếp cận nguồn điện sạch, tăng cường cạnh tranh trên thị trường điện và hỗ trợ phát triển thị trường điện sạch của Thái Lan.

Cùng với việc mở rộng cơ chế DPPA, NEPC cũng quyết định tiếp tục triển khai chương trình điện mặt trời cộng đồng, đồng thời điều chỉnh các tiêu chí nhằm mở rộng cơ hội tham gia và tránh tập trung dự án vào một số nhà phát triển. Chương trình đặt mục tiêu mua tối đa 1.500 MW điện từ các dự án điện mặt trời mặt đất, với quy mô mỗi dự án không quá 10 MW. Mỗi nhà phát triển được tham gia các dự án với tổng công suất không quá 30 MW. Các giới hạn này nhằm phân bổ cơ hội tham gia rộng hơn giữa các nhà đầu tư và địa phương. Điện sản xuất từ các dự án sẽ được mua theo cơ chế giá điện hỗ trợ (FiT). NEPC cũng điều chỉnh cơ chế mua điện từ các dự án năng lượng tái tạo. Trong đó, giá mua điện từ một số dự án điện mặt trời được đề xuất điều chỉnh xuống 2,1679 baht/kWh.

Song song với các biện pháp trên, Chính phủ Thái Lan cũng đang chuẩn bị chương trình chuyển dịch năng lượng trị giá 200 tỷ baht (khoảng 6 tỷ USD), với hai nhóm dự án được ưu tiên triển khai trong giai đoạn đầu. Nhóm thứ nhất tập trung phát triển điện mặt trời áp mái, trong khi nhóm thứ hai hỗ trợ chuyển đổi phương tiện giao thông công cộng và phương tiện thương mại sang các công nghệ sạch hơn, gồm xe máy điện, xe tuk-tuk, xe giao hàng, xe van và xe buýt. Chủ xe bán tải cũng được xem xét hỗ trợ chuyển sang các phương tiện sử dụng biodiesel.



Hệ thống điện mặt trời áp mái tại một cơ sở thương mại ở Thái Lan. Ảnh: Cleantech Solar

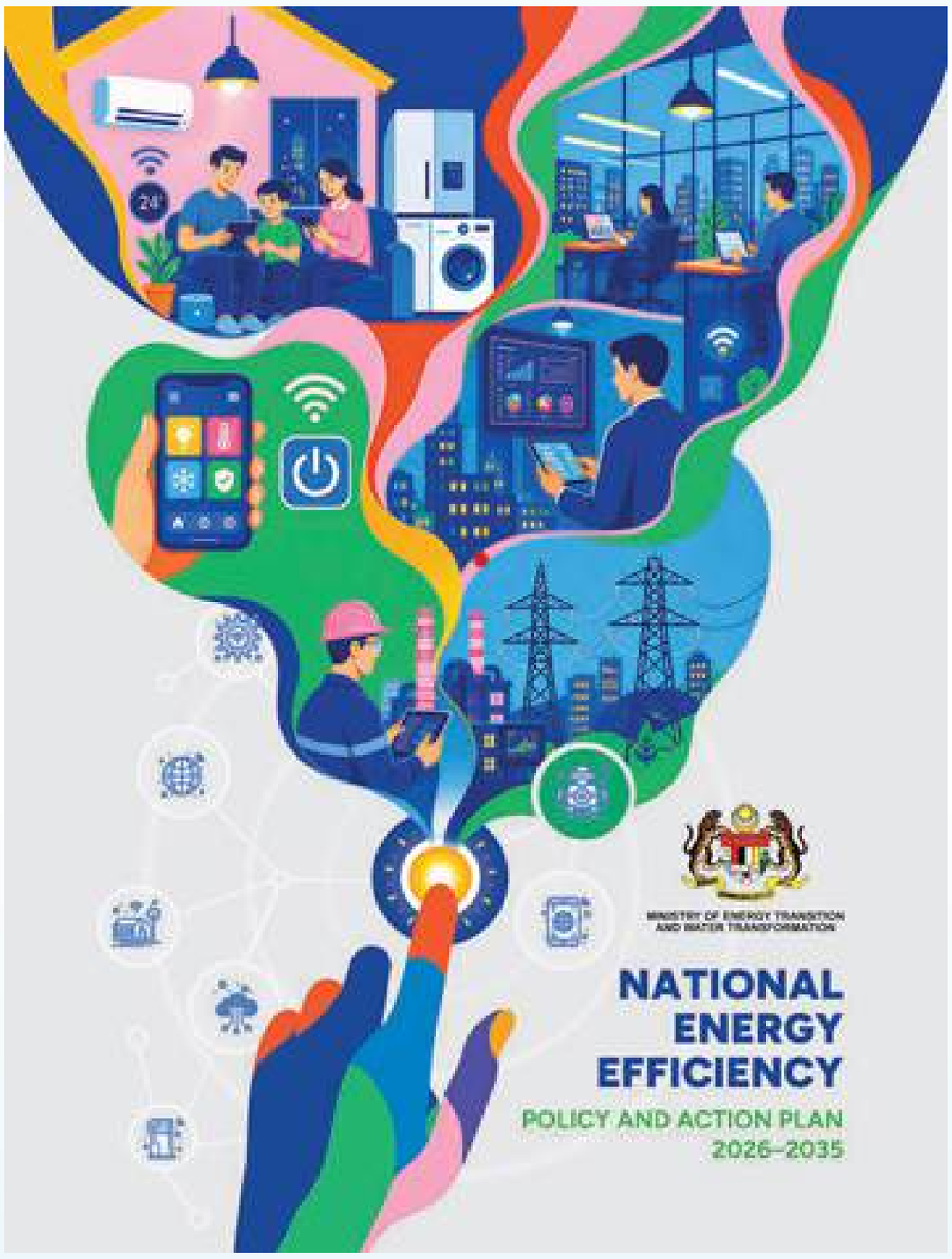
Những nỗ lực thúc đẩy năng lượng sạch của Thái Lan cũng nhận được sự hỗ trợ từ các đối tác phát triển quốc tế. Ngày 13 tháng 7, Ngân hàng Thế giới phê duyệt khoản tài chính 200 triệu USD cho dự án phát triển các thành phố các-bon thấp và thị trường các-bon tại Thái Lan. Dự án tập trung thúc đẩy đầu tư vào các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và phát triển năng lượng tái tạo trong khu vực công, đồng thời tạo cơ chế thu hút thêm nguồn vốn tư nhân thông qua các công ty dịch vụ năng lượng và thị trường các-bon.

Trong khuôn khổ dự án, các giải pháp như điện mặt trời áp mái và nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng sẽ được triển khai tại các công trình công cộng và khu công nghiệp. Theo Ngân hàng Thế giới, chương trình dự kiến hỗ trợ phát triển tới 180 MW công suất năng lượng tái tạo và giúp tiết kiệm khoảng 448 GWh điện mỗi năm. Qua đó, dự án được kỳ vọng không chỉ giảm phát thải trong khu vực công mà còn góp phần mở rộng đầu tư tư nhân vào các giải pháp năng lượng sạch và thúc đẩy sự hình thành, phát triển của thị trường các-bon tại Thái Lan.

Nguồn: Ministry of Energy - Thailand

MALAYSIA CÔNG BỐ KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA VỀ HIỆU QUẢ NĂNG LƯỢNG CHO GIAI ĐOẠN 2026-2035

Ngày 11 tháng 8, Malaysia đã công bố Kế hoạch hành động quốc gia về hiệu quả năng lượng (NEEAP 2.0) cho giai đoạn 2026-2035, với mục tiêu giảm 11,6% nhu cầu năng lượng so với kịch bản phát triển thông thường. Theo Bộ Chuyển đổi Năng lượng và Chuyển đổi Nước Malaysia (PETRA), kế hoạch mới dự kiến giúp nước này tiết kiệm lũy kế 815.382 TJ năng lượng trong giai đoạn 2026-2035, qua đó góp phần giảm khoảng 26,1 triệu tấn CO_2 tương đương phát thải và tiết kiệm khoảng 21,5 tỷ USD chi phí năng lượng.



Kế hoạch hành động quốc gia về hiệu quả năng lượng của Malaysia. Ảnh: National Energy Efficiency Policy and Action Plan 2026-2035

NEEAP 2.0 được xây dựng trên cơ sở kết quả thực hiện kế hoạch giai đoạn 2016-2025. Kế hoạch trước đó đã giúp tiết kiệm 60.886 GWh điện, tương đương khoảng 16,1 tỷ ringgit, vượt mục tiêu 52.233 GWh đề ra ban đầu. Kết quả này được ước tính giúp giảm khoảng 35,6 triệu tấn CO_2 tương đương phát thải.

Trong giai đoạn 2026-2035, Malaysia sẽ tiếp tục ưu tiên nâng cao hiệu quả và bảo tồn năng lượng, tập trung vào các lĩnh vực có mức tiêu thụ và tác động năng lượng cao, đồng thời thúc đẩy các giải pháp quản lý và sử dụng năng lượng hiệu quả trên phạm vi công nghiệp, thương mại và dân dụng. Định hướng này nhằm giảm tiêu thụ và lãng phí năng lượng, tiết giảm chi phí cho doanh nghiệp và người tiêu dùng, đồng thời góp phần bảo đảm an ninh năng lượng.

Về dài hạn, các giải pháp nâng cao hiệu quả năng lượng cũng được kỳ vọng hỗ trợ Malaysia thực hiện quá trình chuyển đổi năng lượng và các mục tiêu khí hậu quốc gia, trong đó bao gồm mục tiêu giảm 45% cường độ phát thải khí nhà kính tính trên GDP vào năm 2030 so với mức năm 2005 và hướng tới đạt phát thải khí nhà kính ròng bằng "0" sớm nhất vào năm 2050.

Nguồn: National Energy Efficiency Policy and Action Plan 2026-2035

ÚC ĐẦU TƯ 2,5 TỶ AUD THÚC ĐẨY CHUYỂN ĐỔI NĂNG LƯỢNG SẠCH TRONG NGÀNH LUYỆN NHÔM

Ngày 13 tháng 8 năm 2026, Chính phủ Úc đã công bố gói hỗ trợ trị giá 2,5 tỷ đô la Úc (AUD) nhằm bảo đảm hoạt động lâu dài của nhà máy luyện nhôm lớn nhất nước Tomago Aluminium tại bang New South Wales, đồng thời thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang sử dụng điện từ các nguồn năng lượng tái tạo.



Nhà máy luyện nhôm Tomago Aluminium. Ảnh: Rio Tinto

Theo thỏa thuận, khoản đầu tư của chính phủ sẽ hỗ trợ xây dựng gần 3 GW công suất phát điện tái tạo và công suất dự phòng. Tomago Aluminium đặt mục tiêu sử dụng 100% điện tái tạo vào năm 2033, qua đó dự kiến giảm khoảng 25% lượng phát thải các-bon của cơ sở.

Bên cạnh nguồn hỗ trợ của chính phủ, Tomago Aluminium cam kết đầu tư ít nhất 1,1 tỷ AUD vào nhà máy, trong đó 100 triệu AUD dành cho các hoạt động khử các-bon và chương trình điều chỉnh nhu cầu điện nhằm hỗ trợ hệ thống điện bang New South Wales. Thỏa thuận được kỳ vọng sẽ thúc đẩy phát triển hạ tầng năng lượng sạch và năng lực sản xuất nhôm phát thải thấp của Úc.

Nguồn: Ministers for the Department of Industry, Science and Resources

CALIFORNIA, MỸ THÚC ĐẨY CHUYỂN ĐỔI SANG PHƯƠNG TIỆN KHÔNG PHÁT THẢI

Ngày 7 tháng 8 năm 2026, Thống đốc bang California, Mỹ, ông Gavin Newsom đã công bố chương trình MyFirstEV, hướng tới giảm phát thải khí nhà kính và cải thiện chất lượng không khí, đồng thời khuyến khích người dân chuyển sang phương tiện sử dụng công nghệ phát thải thấp và không phát thải.

Theo Văn phòng Thống đốc California, người dân California mua xe không phát thải (ZEV) lần đầu được hỗ trợ 3.500 USD đối với xe mới có giá niêm yết tối đa 50.000 USD và 1.750 USD đối với xe đã qua sử dụng có giá tối đa 25.000 USD, được bán thông qua các chương trình xe đã qua sử dụng của nhà sản xuất. Khoản hỗ trợ được giảm trực tiếp vào giá xe tại đại lý. Chương trình được triển khai với 135,5 triệu USD từ ngân sách bang, được các hãng ô tô tham gia đối ứng theo tỷ lệ 1:1, nâng tổng nguồn lực hỗ trợ lên 271 triệu USD.

Việc mở rộng khả năng tiếp cận các phương tiện không phát thải được kỳ vọng góp phần giảm phát thải từ giao thông và cải thiện chất lượng không khí. Theo số liệu của Ủy ban Năng lượng California, trong quý II/2026, người dân bang đã mua 86.857 phương tiện không phát thải mới, chiếm 19,1% tổng doanh số xe mới tại California.

Động thái này là một phần trong chính sách thúc đẩy giao thông sạch của California, hướng tới giảm phát thải khí nhà kính và cải thiện chất lượng không khí, đồng thời khuyến khích người dân chuyển sang phương tiện sử dụng công nghệ phát thải thấp và không phát thải.

Nguồn: Governor of California



Chương trình MyFirstEV. Ảnh: Governor of California

LŨ QUÉT NGHIÊM TRỌNG TẠI NEPAL LÀM GIA TĂNG CẢNH BÁO VỀ RỦI RO KHÍ HẬU

Ngày 26 tháng 8 năm 2026, một trận lũ quét nghiêm trọng đã xảy ra tại khu vực Rasuwa của Nepal và khu vực biên giới Nepal - Trung Quốc. Theo Tổ chức Khí tượng Thế giới (WMO) và Trung tâm Quốc tế về Phát triển Núi (ICIMOD), sự kiện được kích hoạt bởi một trận băng, đá lở ở khu vực núi cao, làm lượng lớn băng, đá và trầm tích đổ xuống sông, tạo dòng lũ cực mạnh trên hệ thống Bhote Koshi - Trishuli. Mực nước sông Trishuli tại Galchchi được ghi nhận tăng khoảng 9 m chỉ trong 30 phút, gây thiệt hại nghiêm trọng cho cộng đồng và cơ sở hạ tầng.



Lũ quét tại Nepal-Trung Quốc. Ảnh: Rajesh Kumar Singh AP Photo

Sự kiện xảy ra trong bối cảnh nhiệt độ gia tăng đang làm thay đổi băng, tuyết, tầng đất đóng băng và độ ổn định của địa hình tại Hindu Kush Himalaya, qua đó góp phần làm gia tăng các rủi ro liên quan đến băng lở, sạt lở và lũ do các tai biến dây chuyền. ICIMOD nhấn mạnh khu vực Himalaya đang nóng lên nhanh chóng, khiến việc theo dõi những thay đổi của hệ thống băng quyển ngày càng quan trọng đối với công tác thích ứng với biến đổi khí hậu.

Trận lũ cũng cho thấy rủi ro khí hậu tại các khu vực núi cao không dừng lại trong phạm vi một quốc gia. Một tai biến xảy ra ở thượng nguồn có thể nhanh chóng lan xuống hạ lưu và tác động đến nhiều quốc gia, đòi hỏi tăng cường quan trắc băng tuyết, chia sẻ dữ liệu và hợp tác xuyên biên giới. WMO cho rằng cần kết hợp dữ liệu vệ tinh, quan trắc tại chỗ và thông tin khí tượng - thủy văn để theo dõi tốt hơn các rủi ro dây chuyền trong khu vực Himalaya.

Nguồn: World Meteorological Organization, International Centre for Integrated Mountain Development